

#1 NEW YORK TIMES
BESTSELLING AUTHORS

Jack Canfield
Mark Victor Hansen

8

Chicken Soup for the *Golden* Soul®

NHỮNG TÂM HỒN
CAO THƯỢNG

First News®



VHSC NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN
phuongnam.com

[Cùng bạn đọc](#)

[Introduction](#)

[Lời giới thiệu](#)

[Overnight guest](#)

[Người khách qua đêm](#)

[Happy anniversary](#)

[Lễ kỷ niệm hạnh phúc](#)

[Help for the helper](#)

[Giúp đỡ lẫn nhau](#)

[Greater than a super bowl](#)

[Tuyệt hơn cả đoạt siêu cúp](#)

[Uncle Li and Sarah Wong](#)

[Chú Lý và cô Sarah Vương](#)

[Time out](#)

[Dòng đời tắt bật](#)

[The secret benefactor](#)

[Nhà hảo tâm ẩn mặt](#)

[The rich family](#)

[Gia đình giàu có](#)

[Mr. Kindrick's pearl of wisdom](#)

[Viên ngọc thông thái của ông Kindrick](#)

[An even greater lesson](#)

[Một bài học ý nghĩa hơn](#)

[One stitch at a time](#)

[Trong từng đường may](#)

[A birthday remembered](#)

Sinh nhật đáng nhớ

Just one wish

Chỉ một điều ước

The long ride

Chuyến đi dài ngày

Về tác giả và sự ra đời của Chicken Soup for the Soul

Cùng bạn đọc

Sau khi thực hiện các tập Hạt Giống Tâm Hồn và những cuốn sách chia sẻ về cuộc sống, First News đã nhận được sự đón nhận và đồng cảm sâu sắc của đông đảo bạn đọc khắp nơi. Chúng tôi đã nhận ra rằng sự chia sẻ về tâm hồn là một điều quý giá và có ý nghĩa nhất trong cuộc sống hiện nay, giúp chúng ta vượt qua những nỗi buồn, những thất vọng để hướng đến một ngày mai tươi đẹp hơn với những ước mơ, hoài bão của mình và cảm nhận cuộc sống trọn vẹn hơn.

Trên tinh thần đó, First News tiếp tục giới thiệu đến các bạn những câu chuyện hay được chọn lọc từ bộ sách *Chicken Soup for the Soul* nổi tiếng của hai tác giả Jack Canfield và Mark Victor Hansen.

Đây là lần đầu tiên bộ sách *Chicken Soup for the Soul* được trình bày dưới dạng song ngữ để bạn đọc có thể cảm nhận được ý nghĩa câu chuyện bằng cả hai ngôn ngữ. Việc chuyển tải trọn vẹn và chính xác ý nghĩa sâu sắc của những câu chuyện theo nguyên bản tiếng Anh là một cố gắng lớn của chúng tôi. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để những tập sách tiếp theo của chúng tôi hoàn thiện hơn.

Mong rằng cuốn sách này sẽ là người bạn đồng hành với bạn trong cuộc sống.

- First News

“To everything there is a season, and a time
to every purpose under the heaven.”

- *Ecclesiastes 3:1*

These timeless words have emboldened countless individuals during the ups and downs of life. Stories passed from person to person and from generation to generation have offered consolation and inspiration for all seasons of life.

Wise storytellers through the ages inspired their listeners and helped them find direction and purpose in life. Those storytellers reawakened people to their own spirituality, afforded them the courage to dream wonderful possibilities and embraced making a heart connection.

For **Chicken Soup for the Golden Soul**, we selected stories that encircle the heart and those stories themselves captivate the readers. Some stories tell about enjoying satisfying relationships across generational lines, refocusing interests and energy, relishing the milestones of change and leaving behind what has been outgrown. Many stories deal with grand-parenting and mentoring, while others focus on the realities of growing older. Our hope is that all the stories stimulate thinking on how to spend our days for maximum meaning and enjoyment.

As we sorted through the literal mountains of stories received for consideration in **Chicken Soup for the Golden Soul**, we were reminded of the importance of passing along to future generations the wisdom gleaned in life. We realized anew the importance of savoring each moment in our lives. We became mindful of how some of our greatest growth occurred during our darkest hours. We have found a serendipity that enables us to face the future with openness and trust, ready to receive whatever our Creator has in store for us.

We invite you to cherish all of life's seasons, the warm and the cold, the dark and the bright - for they are the best preparation for making the “growing older” years even more rewarding than you ever thought possible. It is never too late to discover richness and tranquillity in life.

“Tell me a story.” These sweet words of children around the world

and across the ages echo the heart of all of us. We hope Golden Soul inspires you to tell your own stories to the younger people in your life - and to the people who are “young at heart.”

Through **Chicken Soup for the Golden Soul**, we celebrate life with you. Read the stories one at a time. Let them soothe your soul, tickle your funny bone and rekindle your spirit. Pass them on to others.

The image shows two handwritten signatures in red ink. The first signature, on the left, is 'Jack Canfield' and the second, on the right, is 'Mark Victor Hansen'. Both are written in a cursive, flowing style.

JACK CANFIELD & MARK VICTOR HANSEN

Lời giới thiệu

“Vạn vật đều có một khoảng thời gian nhất định, và mỗi khoảnh khắc trên trần gian đều có một mục đích riêng của nó.”

- *Ecclesiastes 3:1*

Những ngôn từ bất hủ này đã khích lệ rất nhiều người trong những giai đoạn thăng trầm của cuộc sống. Các câu chuyện được truyền từ người này sang người khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác đã gợi cảm sự động viên cũng như nguồn cảm hứng cho mọi thời khắc trong cuộc đời.

Trải qua nhiều thời kỳ, những người kể chuyện giàu kinh nghiệm đã truyền cảm hứng đến người nghe, giúp họ xác định được phương hướng và mục tiêu trong cuộc sống. Những người kể chuyện ấy đã đánh thức người nghe trở về với giá trị tinh thần của chính mình, trao cho họ dũng khí để ước mơ về những điều tuyệt diệu có thể xảy đến và tạo nên sự nối kết của con tim.

Trong tập **Chicken Soup for the Golden Soul**, chúng tôi đã chọn in những câu chuyện xoay quanh những tâm lòng cao thượng và chính những câu chuyện đó đã chinh phục con tim độc giả. Một số câu chuyện kể về hạnh phúc được tận hưởng mối quan hệ hòa thuận giữa các thế hệ, niềm vui khi được sống với các thú vui tao nhã cũng như tạo ra nguồn sinh lực mới, được thưởng thức những cột mốc đánh dấu sự thay đổi và để lại phía sau những điều đã già cỗi. Nhiều câu chuyện liên quan đến việc nuôi nấng và dạy dỗ con cháu, trong khi một số chuyện khác thì tập trung vào sự thật của tuổi tác. Chúng tôi hi vọng rằng tất cả những câu chuyện này sẽ gợi nên những suy nghĩ về việc làm thế nào để sống thật ý nghĩa và tận hưởng được nhiều niềm vui nhất.

Khi phân loại từ một lượng lớn những câu chuyện mà chúng tôi nhận được từ độc giả để thực hiện cuốn **Chicken Soup for the Golden Soul**, chúng tôi luôn lưu tâm đến tầm quan trọng của việc chuyển tải đến thế hệ tương lai những bài học đã được góp nhặt từ cuộc sống. Chúng tôi cũng nhận ra tầm quan trọng của việc tận hưởng từng khoảnh khắc trong cuộc sống của mỗi người và hiểu tại sao có những sự trưởng thành vững vàng nhất lại xảy đến trong những giờ phút đen tối nhất. Qua đó thấy rằng chúng ta có thể hướng đến tương lai bằng một niềm tin và thái độ cởi mở, sẵn sàng đón nhận bất cứ điều gì Đấng tạo hóa đã dành riêng cho mình.

Chúng tôi mong các bạn hãy yêu mến tất cả những khoảnh khắc trong cuộc sống, lúc chán nản cũn như khi ấm lòng, lúc tăm tối cũn như khi tươi sáng - bởi vì tất cả những điều đó chính là sự chuẩn bị tốt nhất cho những năm tháng “trưởng thành”, thậm chí chúng còn hữu ích hơn tất cả những gì mà bạn đã từng nghĩ đến. Chẳng bao giờ là quá trễ để khám phá sự phong phú và thanh bình trong cuộc sống này.

“Kể chuyện cho cháu nghe đi.” Những lời ngọt ngào đó của những đứa trẻ trên khắp thế giới và trong mọi thời đại sẽ mãi vang vọng trong trái tim của mỗi chúng ta. Chúng tôi hi vọng Golden Soul sẽ truyền cảm hứng để bạn có thể kể những câu chuyện của chính mình cho những người trẻ tuổi hơn mà bạn gặp trong cuộc sống – và cho cả những người có “tâm hồn tươi trẻ.”

Thông qua quyển sách Chicken Soup for the Golden Soul, chúng tôi muốn cùng các bạn tôn vinh cuộc sống. Hãy đọc từng truyện một. Hãy để những câu chuyện xoa dịu tâm hồn bạn, mang đến cho bạn nụ cười thật thoải mái và nhóm lên ngọn lửa trong tâm hồn bạn. Và mong rằng bạn sẽ truyền những câu chuyện này đến những người khác nữa.



JACK CANFIELD & MARK VICTOR HANSEN



reenbriar Valley lay almost hidden by the lowhanging clouds that spilled intermittent showers. As I plodded through the muddy barnyard preparing to do my chores, I glanced at the road that led past our place and wound on through the valley. A car was parked at the side of the road a little way beyond the pasture corner.

The car was obviously in distress. Otherwise, no man so well-dressed would have been tinkering with it out in the rain. I watched him as I went about my chores. Clearly, the man was no mechanic. He desperately plodded from the raised hood back to the car seat to try the starter, then back to the hood again.

When I finished my chores and closed the barn, it was almost dark. The car was still there. So I took a flashlight and walked down the road. The man was sort of startled and disturbed when I came up to him, but he seemed anxious enough for my help. It was a small car, the same make as my own but somewhat newer. It took only a few minutes for me to spot the trouble.

"It's your coil," I told him.

"But it couldn't be that!" he blurted. "I just installed a new one, only about a month ago." He was a young fellow. I would have guessed twenty-one, at most. He sounded almost in tears.

"You see, mister," he almost sobbed, "I'm a long ways from home. It's raining. And I've just got to get it started. I just got to!"

"Well, it's like this," I said. "Coils are pretty touchy. Sometimes they'll last for years. Then again sometimes they'll go out in a matter of hours. Suppose I get a horse and pull the car up into the barn. Then we'll see what we can do for it. We'll try the coil from my car. If that works, I know a fellow down at the corner who'll sell you one."

I was right. With the coil from my car in place, the motor started right off, and it purred like a new one. "Nothing to it," I grinned. "We'll just go see Bill David down the road. He'll sell you a new coil, and you can be on your way. Just wait a minute while I tell my wife where I'm going."

I thought he acted odd when we got down to David's store. He parked in the dark behind the store and would not get out. "I'm wet and cold," he excused himself. "Here's ten dollars. Would you mind very much going in and getting it for me?"

We had just finished changing the coil when my little daughter, Linda, came out to the barn. "Mother says supper's ready," she announced. Then, turning to the strange young man, she said, "She says you're to come in and eat, too."

"Oh, but I couldn't," he protested. "I couldn't let you folks feed me. I've got to get going anyway. No, no, I just can't stay."

"Don't be ridiculous," I said. "After all, how long will it take you to eat? Besides, no one comes to our house at mealtime and leaves without eating. You wouldn't want my wife to lie down in the mud in front of your car, would you?"

Still protesting, he allowed himself to be led off to the house. But it seemed to me as if there was something more in his protests than just mere politeness.

He sat quietly enough while I said the blessing. But during the meal he seemed very fidgety. He barely picked at his food, which was almost an insult to my wife, who is one of the best cooks in the state and proud of it.

Once the meal was over, he got quickly to his feet, announcing that he must be on his way. But he had reckoned without my wife.

"Now, look here," she said, and she glanced at me for support. "It's still pouring out there. Your clothes are all wet, and you can't help being cold. I'll bet you're tired too; you must have driven far today. Stay with us tonight. Tomorrow you can start out warm and dry and all rested."

I nodded slightly at her. It isn't always advisable to take in strangers that way. Unfortunately, many people cannot be trusted. But I liked this young man. I felt sure he would be all right.

He reluctantly agreed to stay the night. My wife sent him to bed and hung his clothes to dry by the fire. Next morning she pressed them and gave him a nice breakfast. This meal he ate with relish. It seemed he was more settled that morning, not so restless as he had been. He thanked us profusely before he left.

But when he started away, an odd thing happened. He had been

headed down the valley toward the city the night before. But when he left, he headed back north, toward Roseville, the county seat. We wondered a great deal about that, but decided he had just been confused and made a wrong turn.

Time went by, and we never heard from the young man. We had not expected to, really. The days flowed into months, and the months into years. The Depression ended and drifted into war. In time, the war ended, too. Linda grew up and established a home of her own. Things on the farm were quite different from those early days of struggle. My wife and I lived comfortably and quietly, surrounded by lovely Greenbriar Valley.

Just the other day, I got a letter from Chicago. A personal letter, it was, on nice expensive stationery. Now who in the world, I wondered, can be writing me from Chicago? I opened it and read:

Dear Mr. McDonald:

I don't suppose you remember the young man you helped, years ago, when his car broke down. It has been a long time, and I imagine you've helped many others. But I doubt if you have helped anyone else quite the way you helped me.

You see, I was running away that night. I had in my car a very large sum of money, which I had stolen from my employer. I want you to know, sir, that I had good Christian parents. But I had forgotten their teaching and had gotten in with the wrong crowd. I knew I had made a terrible mistake.

But you and your wife were so nice to me. That night in your home, I began to see what I was wrong. Before morning, I made a decision. Next day, I turned back. I went back to my employer and made a clean breast of it. I gave back all the money and threw myself on his mercy.

He could have prosecuted me and sent me to prison for many years. But he is a good man. He took me back in my old job, and I have never strayed again. I'm married now, with a lovely wife and two fine children. I have worked my way to a very good position with my company. I am not wealthy, but I am comfortably well off.

I could reward you handsomely for what you did for me that night. But I don't believe that is what you'd want. So I have established a fund to help others who have made the same mistake I did. In this way, I hope I may pay for what I have done.

God bless you, sir, and your good wife, who helped me more than you knew.

I walked into the house and handed the letter to my wife. As she read it, I saw the tears begin to fill her eyes. With the most serene look on her face, she laid the letter aside.

“For I was a Stranger, and ye took Me in,” she quoted. “I was hungered, and ye fed Me; I was in prison, and ye visited Me.”

- Hartley F Dailey

No act of kindness, no matter how small, is ever wasted.

- Aesop

Người khách qua đêm



Thung lũng Greenbriar gần như khuất mình sau những đám mây thấp, với những cơn mưa rào trút xuống liên tục. Trong lúc lội qua mảnh sân sinh lầy để làm những việc lặt vặt như thường lệ, tôi nhìn thoáng qua con đường chạy ngang nhà mình rồi uốn khúc về phía thung lũng. Tôi chợt thấy một chiếc xe hơi đỗ lại bên đường, cách bãi cỏ nhà tôi không xa.

Rõ ràng là chiếc xe đang gặp sự cố. Nếu không, chẳng có ai lại đi sửa xe dưới trời mưa, nhất là khi đang ăn mặc bảnh bao như thế. Tôi làm việc của mình nhưng vẫn quan sát người thanh niên nọ. Rõ ràng là cậu ta chẳng rành máy móc gì cả. Cậu vất vả lê bước từ chiếc capô còn đang được dựng lên tới chỗ vô lăng để thử khởi động, rồi lại quay ra chỗ capô.

Khi tôi xong việc và đóng cửa nhà kho, trời gần như đã tối hẳn. Chiếc xe vẫn còn ở đó. Thế là tôi lấy đèn pin và đi ra đường. Người thanh niên hơi giật mình và bối rối khi tôi bước đến, nhưng hình như cậu ta cũng đang mong tôi sẽ giúp. Đó chỉ là một chiếc xe nhỏ, cùng hiệu với chiếc xe của tôi nhưng mới hơn một chút. Chỉ mất vài phút là tôi đã nhận ra nó bị hỏng chỗ nào.

“Là do cuộn dây đây”, tôi nói với cậu ta.

“Không thể như thế được!”, cậu ấy buột miệng thốt lên. “Cháu vừa gắn cuộn mới mà, mới dùng được một tháng thôi.” Cậu ta còn trẻ, tôi đoán nhiều lắm là hai mươi một tuổi. Giọng cậu ta nói nghe như sắp khóc.

“Bác thấy đây, nhà cháu cách đây xa lắm. Trời lại đang mưa. Cháu phải khởi động được xe. Cháu phải làm cho được!”. Cậu ta gần như nước nỡ.

Tôi nói: “Thế này nhé, mấy cuộn dây này khá là nhạy. Có lúc nó cũng bền cả mấy năm, nhưng khi chỉ mới vài giờ là hư rồi. Để bác đi lấy con ngựa cho nó kéo xe vào nhà kho. Rồi xem chúng ta có sửa được gì hay không nhé. Ta sẽ thử dùng cuộn dây trong xe của bác. Nếu máy nổ, bác biết ở góc đường có người bán dây đây”.

Tôi đã đoán đúng. Khi lắp cuộn dây của xe tôi vào thì động cơ lập tức khởi động ngay, tiếng máy nổ giòn đều như một chiếc xe mới vậy.

“Không còn vấn đề gì nữa”, tôi cười sáng khoái. “Bây giờ bác cháu ta tới chỗ Bill David ở cuối đường. Ông ấy sẽ bán cho cháu cuộn dây mới, rồi cháu có thể lên đường. Nhưng đợi bác một chút để bác nói với vợ bác biết mình đi đâu đã.”

Tôi thấy cậu thanh niên này hành động thật kỳ lạ khi chúng tôi đến cửa tiệm của David. Cậu ta đỗ xe ở chỗ tối phía sau cửa hàng và không chịu xuống xe. “Người cháu ướt và lạnh lắm”, cậu ấy viện cớ. “Đây là mười đô la. Bác làm ơn vào mua giùm cháu đi.”

Chúng tôi vừa thay xong cuộn dây thì cô con gái bé bỏng của tôi, bé Linda, ra chỗ nhà kho. “Mẹ nói là đã dọn bữa tối xong rồi”, con bé thông báo. Rồi con bé quay sang anh thanh niên lạ mặt và nói: “Mẹ nói anh cũng vào ăn với cả nhà luôn”.

“Ôi, không được đâu!”, anh ta cương quyết từ chối. “Cháu không thể nào ăn cơm nhà bác được. Cháu phải đi ngay. Không, cháu không thể ở lại được.”

“Đừng nói vớ vẩn nữa”, tôi bảo. “Ăn có bữa cơm mất bao nhiêu thời gian mà không thể được? Với lại, xưa nay chưa có ai tới nhà bác vào giờ cơm mà khi ra về lại không ăn cả. Hay là cháu muốn vợ bác nằm lẫn xuống sình trước xe cháu để mời hả?”

Vẫn còn phản kháng, nhưng người thanh niên đành chịu để bố con tôi kéo vào nhà. Nhưng tôi cảm thấy cậu ta từ chối ăn cơm dường như vì điều gì khác chứ không đơn thuần chỉ vì phép lịch sự.

Cậu ta lặng lẽ ngồi xuống bàn trong lúc tôi đọc kinh Tạ Ơn. Nhưng suốt bữa ăn, dường như cậu ấy rất sốt ruột. Hầu như cậu ta chẳng chạm đĩa vào món gì cả, điều này gần như là một sự xúc phạm đối với vợ tôi vì bà ấy vốn tự hào là một trong những người nấu ăn giỏi nhất trong tiểu bang.

Bữa ăn vừa xong thì cậu thanh niên nhanh chóng đứng bật dậy, nói rằng mình phải lên đường ngay. Cậu đã không để ý đến vợ tôi.

“Cháu nhìn đi, trời vẫn còn mưa xối xả. Quần áo cháu ướt hết cả rồi, và cháu không chịu lạnh nổi đâu. Bác biết cháu cũng đã mệt; cả ngày chắc cháu đã phải đi cả một quãng đường dài. Đêm nay cháu ở lại nhà bác nhé. Mai cháu sẽ lên đường, người khô ráo, ấm áp và lại được nghỉ ngơi đầy đủ nữa.” Vợ tôi nói, và bà ấy liếc nhìn tôi như để tìm sự ủng hộ.

Tôi khẽ gật đầu đồng ý với vợ. Thực ra không phải lúc nào ta cũng nên cho người lạ vào nhà. Đáng tiếc là có rất nhiều người không đáng tin chút nào, nhưng tôi thấy mến chàng thanh niên này. Tôi tin cậu ta là người tốt.

Anh chàng miễn cưỡng đồng ý ở lại qua đêm. Vợ tôi dẫn cậu đến chỗ ngủ rồi treo bộ quần áo của cậu cạnh lò sưởi để hong cho khô. Sáng hôm sau, bà ấy còn ủi lại quần áo cho cậu ta và dọn cho cậu một bữa điểm tâm ngon lành. Cậu ta có vẻ rất thích thú với bữa ăn này. Buổi sáng hôm đó, anh chàng dường như điềm tĩnh hơn, không còn đứng ngòai không yên như tối hôm trước nữa. Trước khi đi, cậu ấy đã hết sức cảm ơn gia đình chúng tôi.

Lạ một điều là tối hôm qua, chàng trai ấy từ thung lũng nhắm hướng về thành phố nhưng khi ra đi, cậu ta lại quay đầu xe về phía bắc hướng tới Roseville, trung tâm của hạt này. Cả nhà chúng tôi rất thắc mắc về chuyện đó, nhưng rồi chúng tôi nghĩ rằng có lẽ cậu ta bối rối nên đi nhầm đường.

Thời gian trôi qua, gia đình tôi không hề biết thêm tin tức gì về chàng thanh niên ấy. Thực sự thì chúng tôi cũng không mong chờ điều gì cả. Năm tháng cứ thế trôi qua. Cuộc khủng hoảng kinh tế vừa kết thúc đã dẫn đến sự bùng nổ của một cuộc chiến tranh. Cuối cùng chiến tranh cũng chấm dứt. Linda trưởng thành và đã có gia đình riêng. Bây giờ mọi thứ ở nông trại đã khác trước rất nhiều, khác với thuở mà gia đình chúng tôi còn phải chật vật vì cuộc sống. Vợ chồng tôi hiện sống khá sung túc và yên ổn giữa thung lũng Greenbriar xinh đẹp.

Chỉ mới hôm kia, tôi nhận được một lá thư gửi từ Chicago. Đó là thư riêng, được viết trên một loại giấy đắt tiền. Tôi tự hỏi: Ai có thể viết thư cho mình từ Chicago vào lúc này nhỉ? Tôi mở bức thư ra đọc:

Bác McDonald kính mến,

Chắc là bác không nhớ cậu thanh niên mình đã giúp cách đây nhiều năm, khi xe cậu ta bị hư dọc đường đâu. Chuyện xảy ra cũng đã lâu rồi, và cháu nghĩ hẳn bác còn giúp nhiều người khác nữa. Nhưng cháu không biết liệu bác có giúp ai như cách bác đã giúp cháu hay không.

Bác biết không, đêm đó cháu đang trên đường chạy trốn. Trong xe cháu có một số tiền rất lớn mà cháu đã đánh cắp của ông chủ mình. Cháu muốn bác biết thêm rằng cha mẹ cháu là người rất ngoan đạo. Nhưng cháu đã quên lời dạy của bố mẹ và giao du với đám bạn xấu. Cháu biết mình đã phạm phải một sai lầm tồi tệ.

Nhưng bác và bác gái lại rất tốt với cháu. Đêm đó ở nhà bác, cháu mới bắt đầu hiểu ra mình đã làm sai điều gì. Và thế là trước khi trời sáng, cháu đã có một quyết định đúng đắn. Ngày hôm sau, cháu đã quay lại. Cháu trở về và thú nhận với ông chủ tất cả. Cháu trả lại toàn bộ số tiền và phó mặc để ông ấy muốn làm gì cháu cũng được.

Lẽ ra ông chủ đã có thể khởi kiện và bỏ tù cháu vài năm. Nhưng ông ấy là người tốt. Ông lại nhận cháu về làm, và cháu không bao giờ làm lạc nữa. Hiện giờ cháu đã lập gia đình, có một người vợ hiền dịu và hai đứa con xinh xắn. Cháu đã nỗ lực làm việc để có được một vị trí tốt trong công ty của mình. Cháu không giàu có, nhưng cháu sống khá thoải mái.

Cháu có thể đền ơn bác thật hậu hĩnh vì những điều bác đã làm cho cháu vào tối hôm ấy. Nhưng cháu cho rằng đó không phải là điều bác muốn. Vì thế cháu đã thành lập một quỹ từ thiện để giúp những người cũng lầm lỡ như cháu. Bằng cách này, cháu hy vọng mình có thể chuộc lại lỗi lầm ngày xưa.

Cầu Chúa luôn phù hộ cho bác và bác gái, bác ấy đã giúp cháu nhiều hơn bác nghĩ.

Tôi vào nhà và đưa lá thư cho vợ mình. Khi vợ tôi đọc thư, tôi thấy nước mắt bà ấy lưng tràn. Rồi với vẻ mặt hết sức thanh thản, bà ấy để lá thư sang một bên.

Vợ tôi đọc lại một đoạn kinh thánh: “Khi Ta là khách lạ, con đã đón Ta vào nhà; Ta đói khát, con đã cho Ta ăn uống; Ta ở tù, con đã tới thăm Ta”.

- Hartley F Dailey

Lòng tốt, cho dù là nhỏ bé như thế nào đi nữa, cũng không bao giờ là lãng phí.

- Aesop



ften, after she finished her solitary supper, she would just sit at the kitchen table in no hurry to enter the rest of the house which seemed even emptier at night. She would remember how everyone used to rush off after they had eaten - the boys up to their rooms and Peter to his favorite TV news programs.

Always so much to do and it seemed at times the boys would never grow up so she could have at least a little time to herself. Time for herself. Oh my, she had lots of time now, big blocks of time which filled so little space in her life. Especially now with Peter gone.

They had planned to travel a little after the boys all left, only Peter had been part of a different plan. She would give anything to have those frenzied days back again, but of course it was impossible. There was her volunteer work and the house work and the occasional baking for bake sales, but she missed the noise and she would have been happy to hear the angry voices in the midst of a fight. “Ma, he took my shirt without asking” and “Ma, he won’t let me study.” Ma, Ma, Ma. Sometimes she had wanted to throttle them, and now she wanted only to hug them and hold them close. She looked at babies on the street and felt sad, remembering when her arms were also full.

She was being especially silly tonight, and she had told Charlotte, one of her neighbors who had dropped by ear lier, that today would have been her fortieth anniversary and they had talked of a special celebration this year. Foolish woman. After Charlotte left she had baked the chocolate cake that had been a favorite of Peter’s, and there it sat in the refrigerator, awaiting its trip to the table.

Last year the boys had all called, and they had laughed and talked about the big forty and how they would all cel ebrate, only there was nothing to celebrate now. In fact, no one had called, but you really couldn’t observe a wedding anniversary with half a couple. At least that’s what she had said to Charlotte, who kind of clicked her tongue at her and looked sad.

Feeling sorry for herself, was she? Come on, she scolded herself, let’s have a big slice of cake and maybe some treats for Max, who must

have read her mind because he began to bark. Poor old Max. He had been Peter's dog, waiting for him by the door each night till he came home. Some nights he still waited at the door which never opened, jumping up and barking at the slightest noise.

Like tonight. What was he barking at? He thought he owned the street, maybe even the world, but certainly anything on this block was his terrain. Tonight something was setting him off. So she walked over to the window to see what it was. There was only a car. "For heaven's sake, Max," she admonished, "we're not the only people on the street." Maybe Mrs. Boris, another neighbor, was having company. She had a big family and they came often to visit their parents.

But Max kept right on, and she thought she heard a noise at the door. Never fearful of the dark or the unknown, she went to the door, flung it open and said, "See, Max - there's no one - oh my Lord!" They were standing there, the three of them, and they yelled, "Surprise, surprise" and suddenly there were hugs and kisses everywhere - her boys had come home.

"I didn't think you'd remember and besides, with Dad..." Her voice trailed off in a blur of tears.

"Ma," that was Josh's voice, "you and Dad were always here for us, always in our hearts and our memories, and every anniversary will be our special day." The others nodded, and now the tears were rolling down her face. "Hey, Ma, where's the cake?" That was Chuck's voice. "We want to party." Suddenly she smiled and ran back to the kitchen, thanking the divine force that had directed her to bake her cake today and had given her three wonderful sons.

- Evelyn Marder Levin

Reflect upon your **present blessings....**

- Charles Dickens

Lễ kỷ niệm hạnh phúc



Thông thường, sau khi một mình dùng xong bữa cơm tối, bà vẫn ngồi yên bên chiếc bàn ăn mà không vội vã đi vào những khu vực khác của ngôi nhà khi chúng dường như vắng lặng hơn lúc đêm về. Bà nhớ lại trước đây mọi người thường chạy ủa vào đó sau mỗi bữa ăn - bọn trẻ thì chạy lên phòng, còn Peter thì xem chương trình tin tức yêu thích của ông trên ti vi.

Bà luôn có rất nhiều việc phải làm, và đôi khi bọn trẻ dường như chẳng chịu khôn lớn để ít ra bà cũng có chút ít thời gian dành cho riêng mình. Thời gian cho riêng bà. Ôi, giờ thì bà có nhiều thời gian, khoảng thời gian rất lớn chỉ để lấp đầy khoảng trống rất nhỏ trong cuộc sống của bà. Nhất là sau khi Peter ra đi.

Hai người đã lên kế hoạch sẽ cùng đi du lịch một số nơi sau khi bọn trẻ trưởng thành, thế nhưng Peter lại thực hiện một chuyến đi khác. Bà có thể đánh đổi bất kì điều gì để có thể sống lại những tháng ngày tuyệt vời xưa kia, nhưng dĩ nhiên điều đó là không thể. Dù đã làm những công việc tình nguyện, việc nhà và thỉnh thoảng còn làm bánh để bán, nhưng bà vẫn luôn nhớ sự huyên náo ngày nào và hẳn bà sẽ rất hạnh phúc khi được nghe lại những giọng nói ấm ức của các con giữa mỗi trận ẩu đả. “Mẹ, nó lấy áo của con mà không xin phép gì cả” hay “Mẹ, anh ấy không để cho con học.” Mẹ, mẹ, mẹ. Thỉnh thoảng bà cũng muốn cho chúng một trận, còn bây giờ bà chỉ muốn được ôm chúng vào lòng và giữ chúng thật chặt. Nhìn mấy đứa nhỏ ngoài phố bà lại thấy lòng thật buồn, nhớ làm sao những giây phút mà vòng tay của mình cũng đầy ấp tình yêu thương.

Đêm nay bà cảm thấy mình thật ngớ ngẩn. Bà đã nói với Charlotte, người hàng xóm vừa tạt qua thăm bà trước đó, rằng hôm nay là kỷ niệm lần thứ 40 ngày cưới của bà và họ đã bàn về một buổi lễ thật đặc biệt. Đúng là một bà già lắm cảm. Sau khi Charlotte về bà đã làm một chiếc bánh sô-cô-la mà Peter rất thích và đặt nó trong tủ lạnh, chỉ còn chờ được mang lên bàn ăn.

Năm ngoái, mấy cậu con trai đều gọi điện thoại về, chúng cười nói và bàn về một buổi lễ kỷ niệm 40 năm thật linh đình và còn tính xem bọn chúng sẽ tổ chức như thế nào, nhưng bây giờ thì chẳng còn gì để tổ chức. Thật vậy, chẳng có ai gọi điện về cả. Người ta không thể mừng lễ kỷ niệm

ngày cưới khi chỉ còn một trong hai người. Ít ra thì đó là những gì bà đã nói với Charlotte, và Charlotte đã chắt lưỡi cảm thông và tỏ ra rất buồn.

Bà cảm thấy tội thân à? Thôi nào, bà tự trách mình, hãy ăn một miếng bánh thật lớn và thết đãi chú chó Max một ít nữa. Hẳn là đọc được suy nghĩ của bà, nó bắt đầu sủa vang. Con Max già thật tội nghiệp. Nó là con chó của Peter, đêm nào cũng chờ ở cửa cho đến lúc ông về. Đến tận bây giờ, có vài đêm nó vẫn chờ nơi cánh cửa không bao giờ mở, chồm dậy và sủa vang khi nghe bất kỳ tiếng động nhỏ nào.

Tôi nay cũng vậy. Nó đang sủa cái gì thế nhỉ? Chắc nó nghĩ là nó sở hữu cả con phố này, và thậm chí là cả thế giới này nữa hay sao ấy. Nhưng dĩ nhiên là bất kỳ điều gì trong khu này đều thuộc lãnh địa của nó. Đêm nay có một cái gì đó đã đánh động nó. Vì vậy bà đi về phía cửa sổ để xem có chuyện gì. Chỉ là một chiếc xe thôi mà. Bà mắng nó: “Làm ơn đi Max, chúng ta đâu phải là người duy nhất sống ở con phố này”. Có thể một người hàng xóm khác là bà Boris có khách đến chơi. Bà ấy có một gia đình đông đúc, và mấy đứa con rất thường ghé về thăm bố mẹ.

Nhưng Max vẫn tiếp tục sủa, và bà nghĩ là bà cũng nghe thấy một tiếng động ở cửa. Bà chẳng bao giờ thấy sợ bóng đêm hay những điều bí ẩn, vì thế bà cứ bước lại, mở toang cánh cửa và nói: “Nhìn đi, Max - có ai đâu - ôi, trời ơi!”. Chúng đang đứng ở đó, cả ba đứa con trai của bà. Chúng la lên: “Ngạc nhiên chưa, ngạc nhiên chưa” và bắt ngờ ôm hôn bà tới tấp - những đứa con của bà đã trở về nhà.

“Mẹ không nghĩ là các con còn nhớ ngày này. Hơn nữa, cha các con...” Giọng bà lạc đi trong làn nước mắt.

“Mẹ”, giọng của Josh vang lên, “đối với chúng con thì mẹ và cha luôn ở nơi đây, luôn ở trong trái tim và tâm trí chúng con, và buổi lễ kỷ niệm nào cũng là một ngày đặc biệt đối với anh em con”. Hai đứa kia gật đầu, và bây giờ thì nước mắt đang chảy dài trên khuôn mặt bà. “À, mẹ này, bánh đâu rồi mẹ?”, Chuck lên tiếng hỏi. “Bọn con muốn ăn mừng.” Bất chợt bà mỉm cười và chạy ngay vào bếp, thầm cảm ơn thế lực siêu nhiên nào đấy đã xui khiến bà làm chiếc bánh cho ngày hôm nay và đã ban cho bà ba đứa con trai tuyệt vời.

- Evelyn Marder Levin

Hãy suy ngẫm về hạnh phúc mà bạn đang có...

- Charles Dickens



At age eighteen, I left my home in Brooklyn, New York, and went off to study history at Leeds University in Yorkshire, England. It was an exciting but stressful time in my life, for while trying to adjust to the novelty of unfamiliar surroundings, I was still learning to cope with the pain of my father's recent death - an event with which I had not yet come to terms.

While at the market one day, trying to decide which bunch of flowers would best brighten up my comfortable but colorless student digs, I spied an elderly gentleman having difficulty holding onto his walking stick and his bag of apples. I rushed over and relieved him of the apples, giving him time to regain his balance.

"Thanks, luv," he said in that distinctive Yorkshire lilt I never tire of hearing. "I'm quite all right now, not to worry," he said, smiling at me not only with his mouth but with a pair of dancing bright blue eyes.

"May I walk with you?" I inquired. "Just to make sure those apples don't become sauce prematurely."

He laughed and said, "Now, you are a long way from home, lass? From the States, are you?"

"Yes, I'm from New York. I'll tell you all about it as we walk."

So began my friendship with Mr. Burns, a man whose smile and warmth would very soon come to mean a great deal to me.

As we walked, Mr. Burns (whom I always addressed as such and never by his first name) leaned heavily on his stick, a stout, gnarled affair that resembled my notion of a biblical staff. When we arrived at his house, I helped him set his parcels on the table and insisted on lending a hand with the preparations for his "tea" - that is, his meal. I interpreted his weak protest as gratitude for the assistance.

After making his tea, I asked if it would be all right if I came back and visited with him again. I thought I'd look in on him from time to time, to see if he needed anything. With a wink and a smile he replied, "I've never been one to turn down an offer from a good-hearted lass."

I came back the next day, at about the same time, so I could help out with his evening meal. For me, the great walking stick was a silent

reminder of his infirmity, and, though he never asked for help, he didn't protest when it was given. That very evening we had our first "heart to heart." Mr. Burns asked about my studies, my plans, and, mostly, about my family. I told him that my father had recently died, but I didn't offer much else about the relationship I'd had with him. In response, he gestured toward the two framed photographs on the end table next to his chair. They were pictures of two different women, one notably older than the other. But the resemblance between the two was striking.

"That's Mary," he said, indicating the photograph of the older woman. "She's been gone for six years. And that's our Alice. She was a very fine nurse. Losing her was too much for my Mary."

I responded with the tears I hadn't been able to shed for my own pain. I cried for Mary. I cried for Alice. I cried for Mr. Burns. And I cried for my father to whom I never had the chance to say good-bye.

I visited with Mr. Burns twice a week, always on the same days and at the same time. Whenever I came, he was seated in his chair, his walking stick propped up against the wall. Mr. Burns owned a small black-and-white television set, but he evidently preferred his books and phonograph records for entertainment. He seemed especially glad to see me. Although I told myself I was delighted to be useful, I was happier still to have met someone to whom I could reveal those thoughts and feelings that, until then, I'd hardly acknowledged to myself.

While fixing the tea, our chats would begin. I told Mr. Burns how terribly guilty I felt about not having been on speaking terms with my father the two weeks prior to his death. I'd never had the chance to ask my father's forgiveness. And he had never had the chance to ask for mine.

Although Mr. Burns talked, he allowed me the lion's share. Mostly I recall him listening. But how he listened! It wasn't just that he was attentive to what I said. It was as if he were reading me, absorbing all the information I provided, and adding details from his own experience and imagination to create a truer understanding of my words.

After about a month, I decided to pay my friend a visit on an off day. I didn't bother to telephone as that type of formality did not seem requisite in our relationship. Coming up to the house, I saw him working in his garden, bending with ease and getting up with equal

facility. I was dumbfounded. Could this be the same man who used that massive walking stick?

He suddenly looked in my direction. Evidently sensing my puzzlement over his mobility, he waved me over, looking more than a bit sheepish. I said nothing, but accepted his invitation to come inside.

“Well, luv. Allow me to make you a ‘cuppa’ this time”.

“How?” I asked. “I thought....”

“I know what you thought, luv. When you first saw me at the market.., well, I’d twisted my ankle a bit earlier in the day. Tripped on a stone while doing a bit of gardening. Always been a clumsy fool.”

“But... when were you able to... walk normally again?” Somehow, his eyes managed to look merry and contrite at the same time. “Ah, well, I guess that’ll be the very next day after our first meeting.”

“But why?” I asked, truly perplexed. Surely he couldn’t have been feigning helplessness to get me to make him his tea every now and then.

“That second time you came around, luv, it was then I saw how unhappy you were. Feeling lonely and sad about your dad and all. I thought, well, the lass could use a bit of an old shoulder to lean on. But I knew you were telling yourself you were visiting me for my sake and not your own. Did you think you’d come back if you knew I was fit? And I knew you were in sore need of someone to talk to. Someone older, older than your dad, even. And someone who knew how to listen.”

“And the stick?”

“Ah. A fine stick, that I use it when I walk the moors. We must do that together soon.”

That Mr. Burns, the man I’d set out to help, helped me. He’d made a gift of his time, bestowing attention and kindness to a young girl who needed both.

- Marlena Thompson

Giúp đỡ lẫn nhau



Mười tám tuổi, tôi rời nhà mình ở Brooklyn, New York để đến học Sử học tại Đại học Leeds ở Yorkshire, Anh quốc. Đó là khoảng thời gian lý thú nhưng cũng đầy khó khăn trong cuộc đời tôi vì lúc ấy tôi vừa phải cố gắng thích nghi với môi trường sống xa lạ, vừa phải học cách đương đầu với nỗi đau mất cha - một biến cố vừa mới xảy ra mà tôi vẫn chưa thể chấp nhận được.

Một ngày nọ khi đi chợ, trong lúc đang phân vân chẳng biết nên chọn mua bó hoa nào để tô điểm cho căn phòng trọ tuy tiện nghi nhưng buồn tẻ của mình, tôi chợt để ý thấy một ông cụ đang lúng túng xoay sở vì vừa phải chống gậy vừa phải ôm cả một túi táo. Tôi bèn chạy vội đến và đỡ hộ túi táo để ông có thể lấy lại thăng bằng.

“Cảm ơn cháu yêu”, ông nói với chất giọng đặc trưng của miền Yorkshire mà tôi nghe chẳng bao giờ chán. “Ta không sao đâu, cháu đừng lo”, ông vừa nói vừa nhìn tôi mỉm cười, nụ cười ấy không chỉ thể hiện qua khóe môi mà còn qua đôi mắt xanh sáng hấp háy của ông nữa.

“Cháu có thể đi cùng ông không?”, tôi hỏi dò. “Cháu chỉ muốn chắc rằng mấy quả táo đó không bị biến thành nước sốt táo sớm hơn bình thường thôi.”

Ông cụ bật cười và nói: “Cháu đang sống xa nhà phải không cô bé? Cháu từ Mỹ đến à?”. “Dạ phải, nhà cháu ở New York. Trên đường đi cháu sẽ kể cho ông nghe về nơi đó.”

Thế là tôi bắt đầu trở thành bạn của ông Burns. Nụ cười cũng như sự nhiệt tình của ông chẳng bao lâu đã trở nên rất có ý nghĩa đối với tôi.

Khi chúng tôi cùng đi, hình ảnh ông Burns (tôi luôn gọi ông như thế và chưa bao giờ tôi biết tên thật của ông) tì cả người vào cây gậy to chắc, nhiều màu của mình khiến tôi liên tưởng đến cây gậy quyền trong kinh thánh. Khi về đến nhà ông, tôi giúp ông bày những thứ ông vừa mua được lên bàn và nằng nặc xin được giúp ông pha “trà” – có nghĩa là bữa ăn của ông. Tôi thậm hiểu sự phản đối yếu ớt của ông chính là lời cảm ơn cho sự giúp đỡ của tôi.

Sau khi pha trà xong, tôi hỏi ông xem liệu tôi có thể quay lại thăm ông lần nữa không. Tôi nghĩ mình thỉnh thoảng nên ghé thăm để xem ông có cần gì không. Ông nháy mắt và mỉm cười trả lời: “Trước lời đề

ngệ của một tiểu thư tốt bụng như cháu, làm sao ta có thể từ chối được”.

Ngày hôm sau tôi lại đến, cũng khoảng vào giờ hôm trước để có thể giúp ông chuẩn bị bữa ăn tối. Với tôi, cây gậy to kia chính là lời nhắc nhở thầm lặng rằng ông đã rất yếu, và mặc dù chẳng bao giờ mở lời nhờ vả, song ông cũng không từ chối sự giúp đỡ. Chính vào tối hôm đó, hai ông cháu tôi đã có một buổi trò chuyện thân tình “từ trái tim đến trái tim”. Ông Burns hỏi thăm việc học của tôi, những dự định tương lai và chủ yếu là ông hỏi thăm về gia đình tôi. Tôi kể cho ông biết là bố tôi vừa mới qua đời, song không nói nhiều lắm về mối quan hệ giữa hai bố con tôi. Khi nghe xong câu chuyện của tôi ông chỉ về phía hai khung ảnh đặt cuối bàn cạnh chiếc ghế nơi ông ngồi. Đó là hình chụp hai người phụ nữ khác nhau. Một người rõ ràng là lớn tuổi hơn người còn lại, nhưng hai người lại giống nhau đến kinh ngạc.

“Đó là Mary, vợ bác”, ông nói và chỉ tay vào ảnh của người phụ nữ lớn tuổi hơn. “Bà ấy qua đời đã được sáu năm rồi. Và kia là Alice. Con bé từng là một y tá rất giỏi. Mất con bé là một cú sốc quá sức chịu đựng đối với Mary vợ ta.”

Đáp lại câu chuyện của ông là những giọt nước mắt của tôi, những giọt nước mắt mà trước đây tôi đã không thể khóc thương cho chính nỗi đau của mình. Tôi khóc cho bà Mary. Tôi khóc cho Alice. Tôi khóc cho ông Burns. Và tôi còn khóc thương cho người bố mà tôi đã không kịp nói lời vĩnh biệt.

Mỗi tuần, tôi đến thăm ông Burns hai lần, luôn luôn vào cùng một thời điểm. Mỗi lần tôi đến, ông Burns đều ngồi trên chiếc ghế của mình, còn cây gậy của ông thì được dựng tựa vào tường. Ông Burns có một chiếc ti vi trắng đen nhỏ, nhưng rõ ràng ông vẫn thích đọc sách và nghe máy hát đĩa để giải trí hơn. Dường như ông rất vui mỗi khi tôi đến chơi. Mặc dù đã tự nhủ rằng mình thật vui sướng khi được giúp đỡ người khác, nhưng tôi còn hạnh phúc hơn khi gặp được một người mà mình có thể tâm sự được mọi tâm tư, tình cảm, những điều mà cho tới lúc đó tôi hầu như không dám thú nhận cả với chính mình.

Trong lúc tôi pha trà, câu chuyện lại bắt đầu. Tôi kể cho ông Burns biết rằng tôi cảm thấy ăn năn biết dường nào khi đã bất hòa với bố mình đến độ không nói chuyện với ông trong suốt hai tuần trước ngày ông mất. Tôi sẽ không bao giờ có được cơ hội xin bố tha thứ. Và bố tôi cũng chẳng bao giờ còn có cơ hội để làm điều đó với tôi.

Mặc dù ông Burns cũng có tham gia vào câu chuyện, nhưng ông đã nhường phần lớn thời gian cho tôi. Chủ yếu là tôi nói, còn ông chỉ là

người nghe. Nhưng cách ông lắng nghe thật lạ! Ông không chỉ chăm chú lắng nghe những gì tôi nói mà dường như ông rất hiểu tôi, chú ý đến tất cả những gì tôi kể, và ông còn nói thêm vào những chi tiết được đúc kết từ kinh nghiệm cũng như từ trí tưởng tượng của chính mình để hiểu chính xác hơn những điều tôi nói.

Sau đó khoảng một tháng, tôi quyết định đến thăm ông vào một ngày nghỉ. Tôi đã không gọi điện báo trước cho ông vì hình thức xã giao đó có vẻ như không cần thiết đối với mối quan hệ của ông cháu tôi. Từ xa, tôi đã nhìn thấy bóng ông đang làm vườn, ông khom người một cách dễ dàng và đứng lên cũng rất thoải mái. Tôi lặng người vì kinh ngạc. Phải chăng đây chính là người đàn ông phải chống cây gậy to tướng để đi mà tôi biết hôm nào?

Bất chợt ông nhìn về phía tôi. Vì nhận thấy sự ngạc nhiên của tôi trước chuyển biến lạ lùng của ông, nên ông vẫy tôi lại gần, trông ông rất lúng túng. Tôi không nói gì nhưng vẫn đồng ý vào nhà.

“Xem nào, tiểu thư! Lần này để ta pha trà mời cháu nhé.”

“Sao thế ạ?”, tôi hỏi. “Cháu đã nghĩ là...”

“Ta biết con đang nghĩ những gì, cháu yêu à. Khi lần đầu tiên con gặp ta ở chợ..., à, là lúc ta vừa bị trặc cổ chân trước đó mấy ngày. Do ta vấp phải một hòn đá trong lúc làm vườn đấy mà. Ta lúc nào cũng giống như một gã khờ vụng về.”

“Nhưng... ông đã đi lại bình thường... từ bao giờ thế?” Không hiểu sao lúc ấy, ánh mắt ông cùng một lúc lại ánh lên nét vui vẻ pha lẫn ăn năn. “À, ta nghĩ rằng đó chính là ngay sau ngày ông cháu ta gặp nhau lần đầu tiên.”

“Nhưng tại sao?”, tôi hỏi ông, lòng thật sự hoang mang. Từ trước đến giờ, chắc không phải là ông đã giả vờ ốm yếu để tôi phải đến giúp ông pha trà đâu.

“Lần thứ hai khi cháu đến đây, ta đã thấy cháu rất buồn. Cháu cảm thấy rất cô đơn, buồn chán về chuyện cha cháu và về mọi thứ. Ta đã nghĩ rằng, vậy thì, ta có thể để cho một cô bé như cháu tựa đầu vào đôi vai già nua của ta. Nhưng ta cũng biết cháu luôn tự nói với bản thân mình rằng cháu đến đây thăm ta là vì ta chứ không phải vì bản thân cháu. Liệu cháu có còn quay lại nữa không nếu như cháu biết rằng ta vẫn khỏe mạnh? Và ta còn biết rằng cháu thật sự rất cần một ai đó để tâm sự. Một người nào đó đã lớn tuổi, thậm chí còn lớn tuổi hơn cả bố của cháu. Một người biết cách lắng nghe.”

“Thế còn cây gậy?”

“À, đó là một cây gậy đẹp. Ta dùng nó mỗi khi đi ra bãi đất hoang ngoài kia. Thôi, ông cháu mình cùng ra ngoài đó đi.”

Vậy đây. Ông Burns, người mà tôi muốn giúp đỡ lại là người giúp đỡ tôi. Ông đã dùng thời gian của mình làm quà tặng cho tôi, ban tặng sự quan tâm và tình yêu thương cho một cô bé đang cần đến tất cả những điều đó.

- *Marlena Thompson*



coached the World Champion Dallas Cowboys from 1960 until I retired in 1988. Except for a stint as a B-17 bomber pilot in World War II, my life has been focused on football. I loved the rush of adrenaline before a game, the exhilaration of making a touch-down, the roar of the crowd, the thrill of each victory, the unique experience of playing in the Super Bowl -and winning a couple of times.

The deep satisfaction of coaching the players to learn to discipline themselves, to develop their skills and to work together as a team was a driving force in my life. Encouraging the players to pay the price for their achievements and earning the support of the fans were very important to me. But there's a part of my life that most of the millions of football fans do not know - my life centers around God and family - and helping at-risk children.

For many years now I have served on the board of Happy Hill Farm, a children's home and special school located in the Texas hills. We simply call it the Farm; it is a five-hundred-acre working farm complete with horses, cattle and most important, more than one hundred hurting, troubled children whose families are unable or unwilling to help them.

I've seen some great victories on the football field, but far greater are the victories I've witnessed in hundreds of kids since Ed and Gloria Shipman opened their hearts and home about twenty five years ago. Some kids have survived unimaginable horrors and carry horrendous emotional scars with them. But more often than not, these battered kids leave the Farm with their life repaired, a high school diploma in hand, and ready to take on the world again.

Although each kid is special, I remember some more than others. I'll never forget John, a frail little boy living with his mother in an abandoned car in a Fort Worth garbage dump before coming to the Farm. Or Frieda, a young girl who had been sexually abused by her step-father and brother. And Jack, whose father abandoned his family, leaving a single mom and a young son who always wanted to die. Jack had tried to take his life many times before coming to live on the Farm. And Amy, whose parents were in prison. Amy would have been killed

had her desperate grandmother not found Happy Hill Farm.

And then there was Tip, a great kid from a small Texas town not far from Happy Hill Farm. Tip's background was plagued with all kinds of problems. And when he slugged a teacher, a judge referred him to the Farm. Tip was only twelve, but he was large for his age. It was hard to tell that his hair was red because his father kept it shaved. "It's easier to see the lice," Tip quipped.

Tip had been labeled "white trash". His family's shack had no indoor plumbing, they got their drinking water from a well and bathed in a nearby creek. Personal hygiene and social skills were not high among the family's priorities. Tip was uncoordinated, unmotivated and volatile. After being sent to the Farm, he had to be taught how to use a knife and fork. Having spent so much time outdoors, he had to be coaxed to sleep indoors on a bed. I recall how Tip would ramble through the house, knocking over vases and lamps as he gestured to make a point. But Tip didn't really need to gesture because every other word coming out of his mouth was an expletive.

"I hate all these rules!" Tip screamed more than once. But there was one fate Tip would have hated worse - being confined in a juvenile jail. Because Tip had heard what it was like and concluded he wanted to stay out at all costs. So he began trying to follow the Farm's rules.

Yet persuading Tip to sit in a classroom took days. Encouraging him to study required weeks. Replacing his profanity with more appropriate language took months and months. Perhaps the biggest challenge, though, was removing the chip from Tip's shoulder. Large doses of unconditional love and consistent discipline were required to instill in Tip trust for authority figures and society.

And I watched Tip slowly change. Over the years as coach of the Cowboys, I saw a lot of impressive changes, as players became more disciplined, more skilled and more motivated. But the changes I saw in Tip and other bruised and suffering kids were far more dramatic than anything I had seen on the football field.

Tip finally graduated from the Farm's high school. He was the first person in his large family ever to stay in school long enough to graduate. Tip was also the first male in his family not to serve time in a Texas prison. Tip's accomplishments were among the greatest points I have ever seen scored. But more championship feats in Tip's turbulent life were yet to come.

After graduating from high school, Tip went to work in the oil-fields

of West Texas. He saved his money and had plumbing installed in his family's house. He bought his mother a car. He helped his sisters go to school. He returned to his small hometown to work as a mechanic. Tip is now married and has four children.

The dehumanizing cycle of poverty, brutality and imprisonment has been broken by Tip. His overcoming almost insurmountable obstacles is an incredible victory I feel privileged to have shared even a small part in. I love football -always have, always will - but mending the lives and hearts of boys and girls like John, Frieda, Jack, Amy and Tip gives me a sense of satisfaction like no other thrill. Giving them a fair chance at living their dreams is a victory far greater than a Super Bowl.

- Tom Landry

There is a **loftier ambition** than merely to stand high in the world. It is to **stoop down** and **lift man** kinda little **higher**.

- Henry Van Dyke

Tuyệt hơn cả đoạt siêu cúp



Tôi đã dẫn dắt đội Dallas Cowboys tham dự giải Vô địch Thế giới từ năm 1960 cho đến khi tôi về hưu năm 1988. Trừ khoảng thời gian làm phi công lái máy bay oanh tạc B-17 trong Thế chiến thứ hai thì cuộc đời tôi chỉ xoay quanh quả bóng tròn. Tôi yêu cảm giác hồi hộp trước mỗi trận đấu, yêu niềm hạnh phúc mỗi khi ghi bàn, tiếng hò hét của đám đông, niềm vui ngất ngây sau mỗi trận thắng, yêu những trải nghiệm chỉ có được qua những lần tranh tài trong trận siêu cúp và yêu cảm giác chiến thắng được vài lần trong những cuộc tranh tài ấy.

Cảm giác hoàn toàn mãn nguyện khi dạy cho các cầu thủ cách tự rèn luyện bản thân, cách phát triển những kỹ năng và cách phối hợp cùng đồng đội chính là động lực của cuộc đời tôi. Việc khuyến khích các cầu thủ nỗ lực hết mình để giành chiến thắng cũng như giành được sự ủng hộ của các cổ động viên là điều rất quan trọng đối với tôi. Nhưng còn có một phần đời khác trong cuộc đời của tôi mà không mấy ai trong số hàng triệu cổ động viên biết được – đó là tôi muốn phụng sự cho Thượng đế, cho gia đình mình và giúp đỡ những trẻ em đang gặp hiểm nguy.

Từ nhiều năm qua, tôi đã làm việc tại Trang trại Đồi Hạnh Phúc – đó là một trại trẻ và cũng là một trường học đặc biệt tọa lạc trên những ngọn đồi ở Texas. Chúng tôi chỉ đơn giản gọi nó là “Trang trại”; đó là một khu đồn điền rộng năm trăm mẫu nuôi đầy đủ các loại ngựa, gia súc và quan trọng nhất là có hàng trăm đứa trẻ với những nỗi đau và các vấn đề khác nhau mà chính gia đình của các em không có khả năng hoặc không muốn giúp đỡ các em.

Tôi đã từng chứng kiến những trận thắng vẻ vang trên sân cỏ, nhưng tôi cũng đã từng tận mắt thấy những chiến thắng còn vẻ vang hơn nhiều của hàng trăm trẻ em nơi đây kể từ ngày Ed và Gloria Shipman mở rộng tấm lòng của mình và thành lập mái ấm này cách nay khoảng 25 năm. Có một số em đã phải trải qua những nỗi kinh hoàng không thể nào tưởng tượng được và mang theo mình những vết thương tinh thần khủng khiếp. Nhưng thông thường, những đứa trẻ từng bị ngược đãi này sẽ rời khỏi trang trại, mang theo một cuộc sống đã được chữa lành, một tấm bằng tốt nghiệp phổ thông trong tay và sẵn sàng hòa nhập lại với thế giới.

Mặc dù mỗi đứa trẻ đều đặc biệt như nhau, song có một vài đứa mà tôi vẫn nhớ hơn so với những đứa còn lại. Tôi sẽ không bao giờ quên được John, một cậu bé ốm yếu sống cùng với mẹ trong một chiếc xe hơi bị vứt bỏ ở bãi rác Fort Worth trước khi đến trang trại. Hay như Frieda, một bé gái bị cha dượng và thằng con riêng của hắn lạm dụng tình dục. Và cả Jack nữa, cha Jack đã bỏ rơi gia đình cậu bé, để lại người mẹ đơn độc và đứa con trai nhỏ dại lúc nào cũng muốn tự vẫn. Jack đã cố tự sát nhiều lần trước khi đến sống tại Trang trại này. Còn Amy thì bố mẹ đang phải ngồi tù. Nếu người bà tuyệt vọng của cô bé không tìm thấy Trang trại Đồi Hạnh Phúc thì có thể Amy đã bị giết rồi.

Và sau cùng là Tip, một cậu bé rất thú vị đến từ một thị trấn nhỏ ở Texas, gần “Trang trại Đồi Hạnh Phúc”. Bản lý lịch của Tip cho thấy cậu gặp đủ thứ chuyện rắc rối. Và đến khi cậu đánh thầy giáo thì một quan tòa đã đề nghị đưa cậu đến Trang trại. Tip chỉ mới mười hai tuổi, nhưng trông cậu lớn hơn nhiều so với độ tuổi của mình. Khó mà khẳng định được tóc cậu có phải màu đỏ hay không vì cha cậu luôn cạo trọc nó. “Vậy để khỏi có chí”, Tip chua cay.

Tip được người ta gán cho biệt danh “kẻ cặn bã trắng hếu”. Trong ngôi nhà tạm bợ của cậu không có hệ thống ống nước nên mọi người trong gia đình cậu phải uống nước giếng và tắm gội ở một nhánh sông gần đó. Vấn đề vệ sinh cá nhân cũng như các kỹ năng giao tiếp xã hội không phải là mối quan tâm của gia đình này. Tip sống bất cần, không mục đích và không kiên định. Sau khi được gửi đến Trang trại, chúng tôi đã phải dạy cậu bé cách dùng dao và nĩa khi ăn. Vì thằng bé đã quen ở ngoài đường nên chúng tôi phải dỗ dành mãi nó mới chịu vào nhà để ngủ trên giường. Tôi còn nhớ có lần Tip đã đi ngang đi dọc trong nhà, gõ vào mấy cái bình và mấy cây đèn bàn để làm ra vẻ là tay anh chị. Nhưng thật ra Tip chẳng cần phải làm ra vẻ như vậy bởi vì mỗi lời nói phát ra từ miệng cậu bé đều đã được chêm vào những từ tục tĩu.

“Tôi ghét tất cả các quy định này!”, Tip đã nhiều lần hét lên như thế. Nhưng có một điều mà Tip ghét nhất - đó chính là việc bị giam vào nhà tù dành cho trẻ vị thành niên. Tip đã được nghe kể về nơi đó, và cậu quyết định rằng mình phải tránh xa cái nhà giam đó bằng bất cứ giá nào. Thế là cậu bắt đầu tuân theo những quy định của Trang trại.

Thế mà chúng tôi vẫn phải tốn mất nhiều ngày để thuyết phục Tip chịu ngồi vào lớp học. Việc dỗ cho cậu bé chịu học thì lại phải mất thêm nhiều tuần nữa. Còn việc thay đổi những lời nói tục tĩu của cậu bằng những ngôn từ dễ nghe hơn thì phải mất nhiều tháng liền. Nhưng có lẽ thử thách lớn nhất là làm sao xóa bỏ tính hiếu chiến của Tip. Cần phải có một tình yêu thương bao la và những phương pháp rèn luyện thích

hợp mới có thể giúp Tip dần dần tin tưởng vào những người có thẩm quyền và tin tưởng vào xã hội.

Và rồi tôi đã thấy Tip từ từ thay đổi. Trong suốt những năm làm huấn luyện viên cho đội tuyển Cowboys, tôi đã được chứng kiến rất nhiều sự thay đổi ấn tượng, khi mà các cầu thủ sống có kỷ luật hơn, kinh nghiệm hơn và tích cực hơn. Nhưng những đổi thay mà tôi thấy nơi Tip cũng như nơi những đứa trẻ từng bị đánh đập và hành hạ khác đã gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc hơn tất cả những gì tôi từng được chứng kiến trên sân cỏ.

Cuối cùng thì Tip cũng tốt nghiệp phổ thông tại trường học của Trang trại. Cậu là người đầu tiên trong đại gia đình của mình theo học đầy đủ đến ngày tốt nghiệp. Tip cũng là chàng trai đầu tiên trong gia đình không phải ngồi tù tại Texas. Những thành quả của Tip là một trong những bàn thắng vĩ đại nhất mà tôi từng ghi được. Nhưng cuộc đời đầy biến động của Tip còn có nhiều kỳ tích khác nữa.

Sau khi tốt nghiệp phổ thông, Tip đi làm tại một mỏ dầu ở miền Tây Texas. Cậu dành dụm tiền và cho lắp hệ thống nước máy trong nhà của mình. Cậu còn mua cho mẹ một chiếc xe hơi, giúp mấy đứa em gái được đến trường. Sau đó, cậu trở về quê nhà làm nghề thợ máy. Hiện Tip đã lập gia đình và có bốn đứa con.

Cái vòng luẩn quẩn của sự bần cùng, tính hung bạo, cảnh tù đầy đã bị Tip phá bỏ. Chiến thắng của cậu bé trước những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua được là một chiến thắng phi thường mà tôi vinh dự được góp một phần nhỏ. Tôi yêu bóng đá - luôn luôn và sẽ mãi mãi yêu nó - nhưng việc chấp vạ những mảnh đời và trái tim của những cô bé, cậu bé như John, Frieda, Jack, Amy và Tip cho tôi cảm giác hạnh phúc mà chẳng có sự cuồng nhiệt nào trên sân cỏ có thể sánh được. Cho các em một cơ hội thuận lợi để chúng thực hiện những ước mơ của mình mới chính là thắng lợi tuyệt vời hơn cả việc đoạt được siêu cúp.

- Tom Landry

Có một **khát vọng** còn **cao quý** hơn cả việc được đứng đầu trong thiên hạ, đó là việc **cúi xuống để nâng đỡ đồng loại** của mình.

- Henry Van Dyke



n my work with women worldwide, I hear countless compelling stories of life and death - and love. Human emotions are the same the world over. The heartfelt yearning for understanding, forgiveness, acceptance and continuity of generations is universal as revealed in this human drama unfolding in Singapore - it could have been played out in the hearts of anyone anywhere in the world.

On this particular sundrenched morning, I made my way to my favorite coffee shop. Eating breakfast in a coffee shop on the way to work is quite the norm in Singapore. I sat at my customary table enjoying the steaming hot sweet coffee and pau, a popular Chinese bread. Screwing up my eyes against the glare, I looked out the door where I could see the corner of the sidewalk.

Something was missing - the usual vendor was not there. He was always there - his dilapidated bicycle propped up against the lime-green Chinese shops, his pile of newspapers stacked neatly by his side. I'd miss his toothy grin, his cheery "Chou San" (good morning) if he did not arrive in time for me to buy my morning paper.

Most of us regulars at the coffee shop felt a real affection for him and called him "Uncle," the Chinese term of respect. His seeming poverty did not hide his wisdom and graciousness. His wizened frame and beard made him look like a sage. Uncle Li seemed to lend an air of stability and constancy to my life. He may have been merely a newspaper vendor, but his cheeriness - like the song of an early morning bird - set the tone for the day. His "Chou San" brought a smile to all who bought a paper from him. Lighthearted banter constantly floated from his corner into the coffee shop.

Studying Uncle Li and his customers was my favorite morning pastime. A lovely young Chinese woman was the most interesting of all. Always immaculately dressed, she'd park her black car by the sidewalk, hop out, daintily run over to Uncle Li, buy a paper, and with a smile and greeting, away she'd go.

The emotions that crossed Uncle Li's wrinkled face when she appeared intrigued me. His smiling face softened, and then gaiety

gave way to a deeper emotion, one that I was familiar with yet could not define.

So, each morning, like Uncle Li, I waited for the arrival of the beautiful young woman. Black glossy hair, bobbed and fringed, encircled a creamy magnolia-colored, heartshaped face. Her dark eyes gave her a demure look. The most striking detail of her beauty lay in her smile, which lit up her face. Each day when she left, Uncle Li's face looked like the sun shadowed by a cloud.

That morning, suddenly brakes shrieked, shattering my reverie and alarming the traffic on the busy street. Commotion followed. I craned my neck for a better view. What had happened? Who was hit? A crowd quickly gathered, obscuring my view. The babble of voices told me nothing, and I could not determine what had happened.

Curiosity urging me, I edged my way into the spectator crowd on the sidewalk. The first thing I saw was a bicycle tangled like a piece of modern sculpture. Loosened news papers caught by the wind scattered across the street. Passers-by picked them up; others crushed them under-foot in their eagerness to get closer to the scene. "God, please don't let it be Uncle Li," I prayed. Like a coward, I retraced my steps into the coffee shop and sat down to view the frenzy through the door.

Police and ambulance sirens soon added to the hubbub. A young woman upheld like a rag doll between two police-men entered the shop. It was the young woman who drove the black car! I couldn't believe it. The policemen gazed around the room imploringly. I gently took the girl's arm and guided her to my table. The policemen explained that witnesses said it was not her fault, for the old man had lost control and swerved into her car. I further gathered that they could not locate his relatives, but she'd agreed to pay hospital expenses.

The young woman signed a form the policemen put in front of her. They then disappeared into the crowd, and I was left with the devastated woman. With trembling hands, she grasped the cup of coffee. Closing her eyes, she drank deeply from its comforting warmth.

Only moments before, I had felt on the fringe of events like any other spectator. But with the distraught young woman seated before me, I was drawn into the drama. Her face crumpling like a child's, she broke the silence, "I can't understand how the accident happened. The bicycle struck the car; it seemed to come from nowhere. Why did Uncle Li lose control?" Shaking her head, she whispered through her tears, "How could this happen?"

Looking at me she implored, "Please, come with me to the hospital." I agreed and rang the office on my mobile phone to explain I'd be late. She kept speaking, "I have to see him. I just have to see him and tell him how sorry I am." I could understand that for peace of mind she needed to see him comfortable, out of pain and alive.

She was not in a fit state to drive, so we took a taxi. It wove through the busy office traffic to the Singapore General Hospital. During most of the ride, we sat locked in our own thoughts. I pondered the morning's events and realized I knew very little about the striking young woman, not even her name! So I introduced myself and asked her name.

"My name's Sarah Wong."

"Do you have family, and is there someone I should call?"

"No, I was an orphan and brought up by a wealthy old lady. I call her Aunt."

I learned her life had been secure with nothing disruptive or hurtful except for the void in her heart because she'd never known her parents.

"My aunt is quite old, and I would not wish to distress her about the accident." Sarah fingered the little diamond cross in front. No doubt a gift from her aunt, a symbol of her love and generosity.

We eventually got to the hospital. Sarah was as nervous as I was - concerned at what had happened to Uncle Li. We made inquiries and were told he was in the operating theatre. Our hushed wait began. My heart ached at the sight of Sarah's pinched, pathetic face. She caught my sympathetic gaze, a tremulous smile touched her soft, young mouth; I really wanted so very much to allay her fears.

Before long, a blue-robed doctor, his mask drawn down capping his chin, approached the waiting room. We got up to greet him as he looked expectantly around the room. He must have been informed about Sarah. The doctor explained, "Mr. Li's rib-cage is badly injured, but we have managed to stem the internal bleeding." The doctor continued, "The old man is frail, and his life hangs by a thread. If he lives, he'll live with pain through his rest of life."

Sarah softly asked, "Can we see him?" The doctor allowed us to visit Uncle Li in intensive care.

Puzzled with guilt and sorrow, Sarah was blaming her self and wondering how she could have avoided the accident. Her body

shuddered. I put an arm across her shoulders as we came to intensive care.

We were directed to Uncle Li's bed. Numerous tubes protruding from his body made him look like a collapsed puppet. His breathing labored and harsh, I expected at any moment to hear the death rattle-rumble from his throat.

I had wanted so much for Sarah's sake for Uncle Li to live. But now for his sake, I wanted him to die. He'd never ride his bike again, never sell newspapers. We'd never hear again the cheery "Chou San." I dug into my pocket for a crumpled tissue to wipe away my relentless tears while my young friend stood motionless, immobilized by sorrow.

Uncle Li struggled to open his eyes. They flickered and gradually opened. I saw a hint of a smile. I also saw something else - the emotion that had eluded me seemed to come alive as he peered at the young woman's face. I felt like an outsider, intruding on an intimate moment. Feebly he lifted a hand. She reached out and held it, too choked to utter words she'd rehearsed in her mind. The old man's face gathered strength, and the emotion I'd witnessed before was now reflected strongly in his face. He said to Sarah, "Ngo ke chai" (my child). Emotionally she responded, "Ahpah" (father).

The puzzle piece fell into place, and I recognized the elusive emotion. The indefinable had become definable. It was beautiful, like the brightness of the evening star. In an unforgettable moment, love passed from a dying old man and filled the void in a young girl's heart - like the love of a father for his child. Smiling peacefully, Uncle Li fell into a contented sleep from which he'd never awaken.

Sarah and I became friends, bonded together by that fateful morning. We visited Uncle Li's sister, his only remaining relative. In her home, beside his picture, was the photograph of a young woman. I was startled. The resemblance was striking! I could have been looking at Sarah. Uncle Li's sister explained that the woman in the photograph was Uncle Li's wife. She'd died at childbirth, and their baby girl was stillborn. He'd loved his young wife dearly. He would have loved and treasured his daughter. Sarah had brought them both to life again, and in return Uncle Li had given Sarah a legacy of love.

- Audrey Bowie

Chú Lý và cô Sarah Vương



Khi tiếp xúc với những người phụ nữ trên thế giới, tôi đã được nghe kể vô số câu chuyện cảm động về cuộc sống, cái chết và cả tình yêu của họ. Những xúc cảm của con người dù ở bất cứ nơi nào trên thế giới cũng đều giống nhau. Trái tim con người bao giờ cũng khao khát được cảm thông, được tha thứ, chấp nhận và duy trì nòi giống qua các thế hệ. Điều đó đã được thể hiện qua một câu chuyện xảy ra ở Singapore – câu chuyện ấy có thể khiến bao trái tim ở khắp nơi trên thế giới phải rung động.

Buổi sáng đầy nắng, tôi rảo bước đến quán cà phê yêu thích của mình. Tại Singapore, dùng điểm tâm trong quán cà phê trên đường đi làm là điều bình thường. Tôi ngồi tại chiếc bàn quen thuộc của mình, thưởng thức tách cà phê nóng hổi, thơm dịu và dùng một cái bánh bao - loại bánh ưa thích của người Hoa. Tôi nhìn qua cửa sổ hướng ra góc phố, mắt nheo lại do bị chói nắng.

Tôi thấy thiếu thiếu một cái gì đó - người bán báo thường ngày không còn ở đó nữa. Chú ấy đã luôn ở đó - chiếc xe đạp tồi tàn của chú dựa vào những cửa hiệu màu xanh của tiệm bào người Hoa còn những chồng báo thì được xếp gọn gàng đặt ngay bên cạnh. Hôm nào chú đến trễ làm tôi không thể mua báo được thì tôi sẽ rất nhớ nụ cười để lộ cả hàm răng của chú, nhớ cả lời chào vui vẻ “Chou San” (chào buổi sáng) của chú.

Hầu hết khách quen của quán cà phê đều yêu quý và gọi chú bằng “Chú”, đây là cách xưng hô biểu lộ sự kính trọng của người Hoa. Về ngoài nghèo khó không hề che lấp đi sự thông thái cũng như lòng tốt của chú. Khuôn mặt nhăn nheo cùng chòm râu quai nón khiến chú trông như một nhà hiền triết. Dường như chú Lý đã góp phần làm cho cuộc sống của tôi được yên bình hơn. Chú chỉ đơn thuần là một người bán báo dạo, nhưng sự vui vẻ của chú – hết như tiếng chim hót vào buổi sớm mai – đã tạo nên âm sắc riêng cho một ngày mới. Lời chào “Chou San” của chú đã khiến những ai đến mua báo cũng đều phải nởn miệng cười. Nét hài hước của chú luôn lan tỏa từ góc phố nơi chú đứng vào tận bên trong quán cà phê.

Quan sát chú Lý và khách hàng của chú là niềm vui của tôi vào mỗi buổi sáng sớm. Đáng chú ý nhất trong số những khách hàng của chú là một thiếu nữ đáng yêu người Hoa. Sáng nào cũng xuất hiện trong bộ

trang phục tươm tất, cô đỡ chiếc xe hơi màu đen ở bên vệ đường, bước ra khỏi xe, đến chỗ chú Lý mua báo và khi ra về thì không quên nở một nụ cười chào chú.

Khuôn mặt đầy nếp nhăn của chú Lý thoáng xúc động khi cô gái tỏ ra chú ý đến tôi. Nét mặt tươi vui của chú dần ra, và rồi một cảm xúc sâu xa hơn xuất hiện thế chỗ. Đó là một cảm xúc rất quen thuộc nhưng tôi không sao định rõ được.

Vì vậy, cũng giống như chú Lý, sáng nào tôi cũng chờ đợi sự xuất hiện của người thiếu nữ duyên dáng đó. Mái tóc đen bóng của cô được cắt ngắn quá vai để lộ khuôn mặt trái tim cùng làn da trắng mịn và đôi mắt đen e lệ. Nhưng nét đẹp nổi bật nhất nơi cô chính là nụ cười – chính nụ cười ấy làm cả khuôn mặt của cô sáng bừng lên. Mỗi khi cô gái ấy đi khỏi thì khuôn mặt của chú Lý trông giống như mặt trời bị một áng mây đen che khuất.

Sáng hôm đó, bất ngờ có tiếng phanh xe thắng kít lại, cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi và khiến cho dòng người đang lưu thông trên đường phải hoảng sợ. Sau đó là cảnh náo loạn. Tôi rướn cổ để nhìn rõ hơn. Chuyện gì đã xảy ra? Ai bị tai nạn? Một đám người lập tức xúm lại, che khuất tầm nhìn của tôi. Tiếng lào xào bàn tán làm tôi chẳng hiểu gì, và tôi cũng không thể định rõ được chuyện gì đã xảy ra.

Tò mò, tôi chen người vào đám đông tụ tập ở bên đường. Cảnh tượng đầu tiên mà tôi thấy là một chiếc xe đạp bị cong queo hết như một tác phẩm điêu khắc hiện đại. Những tờ báo bị gió cuốn tung và rơi rải khắp mặt đường. Nhiều người qua đường đã nhặt chúng lên, nhưng số khác lại dẫm chân lên chúng vì muốn chen chân vào gần hiện trường hơn. Tôi cầu nguyện: “Lạy trời! Xin cho người bị nạn không phải là chú Lý!”. Nhưng rồi tôi lại quay bước trở về quán cà phê và ngồi quan sát cảnh nhốn nháo đó qua khung cửa sổ như một kẻ hèn nhất.

Xe cảnh sát và xe cứu thương hụ còi inh ỏi càng làm tăng thêm cảnh huyền ảo. Hai viên cảnh sát đỡ một thiếu nữ lên và dìu vào quán, trông cô tôi tả như một con búp bê bằng vải. Đó là cô gái vẫn thường lái chiếc xe hơi màu đen! Thật không thể tin được. Cảnh sát ngó quanh quán như mong nhận được sự giúp đỡ. Tôi nhẹ nhàng đỡ lấy tay cô gái rồi đưa về bàn mình. Cảnh sát nói rằng các nhân chứng cho biết đó không phải là lỗi của cô gái mà là do xe của ông lão bị mất thăng bằng và chệch hướng đâm vào xe cô. Tôi còn biết thêm rằng họ đã không thể tìm được thân nhân của ông cụ, nhưng cô gái đã đồng ý chịu mọi phí tổn cho việc điều trị.

Cô gái ký vào tờ biên bản mà cảnh sát đặt ngay trước mặt cô. Sau đó

họ mất hút vào đám đông, để lại tôi với cô gái đang trong tình trạng bán loạn. Cô nắm chặt lấy tách cà phê bằng đôi bàn tay run rẩy. Cô nhắm nghiền mắt và hóp thật sâu một ngụm cà phê nóng ấm để chịu.

Vài phút trước đó, tôi cảm giác mình chỉ là người ngoài cuộc trước mọi việc cũng như bao người khác. Nhưng chính người thiếu nữ đang hoảng loạn ngồi trước mặt đã khiến tôi bị lôi kéo vào bi kịch này. Khuôn mặt cô gái nhẵn lại như một đứa trẻ, rồi cô nói: “Không hiểu sao tai nạn lại xảy ra. Chiếc xe đạp từ đâu lao ra, rồi đâm sầm vào chiếc xe hơi. Sao chú Lý lại không kiểm soát được nó chứ?”. Vừa lắc đầu, cô vừa lẩm bẩm nói trong nước mắt: “Làm sao chuyện này lại có thể xảy ra chứ?”.

Cô gái nhìn tôi khẩn khoản: “Anh làm ơn đi cùng tôi đến bệnh viện nhé”. Tôi đồng ý và dùng điện thoại di động gọi về văn phòng để báo rằng tôi sẽ đến trễ. Cô nói tiếp: “Tôi phải gặp chú ấy. Tôi phải gặp để xin lỗi chú ấy”. Tôi hiểu rằng để lòng được thanh thản, cô cần phải tận mắt thấy ông lão được chăm sóc đầy đủ, không đau đớn và vẫn còn sống.

Cô ấy chẳng còn tâm trí để lái xe, vì vậy chúng tôi đi bằng taxi. Chiếc xe len lỏi trong dòng người ngược xuôi để đến Bệnh viện đa khoa Singapore. Suốt thời gian ngồi trên xe, chúng tôi chỉ chìm đắm trong dòng suy nghĩ của riêng mình. Tôi nghĩ về tai nạn lúc sáng và chợt nhận ra mình chẳng biết gì nhiều về cô gái rất ấn tượng này cả, thậm chí tôi còn không biết tên của cô ấy là gì nữa! Vì thế tôi đã tự giới thiệu về mình, và hỏi xem cô tên gì.

“Tôi tên là Sarah Vương.”

“Thế cô có gia đình không, hay có ai để tôi gọi điện báo tin không?”

“Không, tôi mồ côi từ nhỏ và được một phụ nữ lớn tuổi giàu có nhận về nuôi. Tôi gọi dì ấy là Dì.”

Tôi còn được biết cuộc sống của cô đã trôi qua trong êm đềm, không có điều gì đau buồn, ngoại trừ một khoảng trống trong lòng do cô vẫn chưa được biết mặt cha mẹ ruột của mình.

“Dì tôi đã khá lớn tuổi, vì thế tôi không muốn dì phải lo lắng vì tai nạn này.” Sarah chạm tay vào cây thánh giá nạm kim cương trước ngực. Chắc chắn đó là món quà mà dì của cô tặng, cũng là biểu tượng của tình yêu thương và sự hào phóng của bà.

Sau cùng chúng tôi cũng đến được bệnh viện. Cả Sarah và tôi đều hết sức lo lắng không biết tình hình của chú Lý ra sao. Chúng tôi hỏi thăm và được biết ông cụ đang nằm trong phòng phẫu thuật. Chúng tôi lặng im chờ đợi. Tim tôi nhói đau khi nhìn thấy khuôn mặt dần vật, đau khổ của Sarah. Khi bắt gặp ánh nhìn thông cảm của tôi, một nụ cười ngập

ngừng thoáng nở trên làn môi mềm mại, tươi tắn của cô. Tôi thật sự rất muốn được xoa dịu nỗi sợ hãi trong cô.

Chẳng bao lâu sau, một vị bác sĩ mặc áo choàng dài màu xanh, che khẩu trang kín mặt bước vào phòng chờ. Chúng tôi đứng dậy chào ông khi ông đảo mắt nhìn khắp phòng như đang muốn gặp ai. Chắc hẳn ai đó đã nói cho ông biết về Sarah. Bác sĩ giải thích: “Ông Lý bị thương nặng ở lồng ngực, nhưng chúng tôi đã ngăn chặn được tình trạng xuất huyết nội”. Ông nói tiếp: “Ông cụ hiện rất yếu, và mạng sống của ông mong manh như đang treo trên sợi chỉ mảnh. Dầu có vượt qua được thì ông cụ cũng sẽ sống trong đau đớn suốt quãng đời còn lại”.

Sarah hỏi nhỏ: “Chúng tôi vào thăm ông cụ được chứ?”. Bác sĩ cho phép chúng tôi vào phòng chăm sóc đặc biệt để thăm chú Lý.

Hoang mang vì đau khổ và mặc cảm tội lỗi, Sarah cứ tự trách mình và lúc nào cũng dằn vặt không biết làm thế nào mà cô lại có thể tránh được tai nạn đó. Toàn thân cô run lên. Tôi choàng tay qua vai cô và dìu vào phòng chăm sóc đặc biệt.

Chúng tôi được hướng dẫn đến giường bệnh của chú Lý. Vô số dây nhợ được nối vào người khiến chú Lý trông giống như một con rối đã bị ngã. Chú thở rất nặng nhọc và khó khăn, tôi tưởng như sắp nghe thấy những tiếng nấc hấp hối phát ra từ cổ họng của chú.

Vì Sarah, tôi đã rất mong chú Lý được sống; nhưng giờ đây thì vì chú, tôi lại mong sao chú hãy thanh thản ra đi. Chú sẽ không bao giờ còn đạp xe được nữa, sẽ không bao giờ còn được bán báo nữa. Còn chúng tôi sẽ không bao giờ được nghe lời chào “Chou San” vui vẻ của chú nữa. Tôi lấy chiếc khăn tay nhàu nát trong túi ra lau những giọt nước mắt không ngừng rơi trong khi cô bạn trẻ của tôi vẫn đứng bất động, chết lặng vì đau buồn.

Chú Lý đang cố mở mắt. Đôi mắt chú chớp chớp rồi từ từ mở ra. Tôi thấy dường như chú đang mỉm cười. Tôi còn thấy một điều gì đó khác nữa – một cảm xúc mà trước đây tôi đã không thể hiểu được – giờ đây dường như đang sống lại khi chú hé mắt nhìn khuôn mặt của người thiếu nữ. Tôi có cảm giác mình là một người ngoài cuộc đang chen vào giây phút thân tình của hai người. Chú nhấc cánh tay của mình lên một cách yếu ớt. Cô gái đưa tay ra đỡ lấy, cô nghẹn ngào đến nỗi không thể thốt lên được những lời mà cô định sẽ nói với chú. Toàn bộ sức lực tập trung trên khuôn mặt của chú, và xúc cảm mà tôi được chứng kiến lúc này giờ đây cũng đang hiện rõ trên khuôn mặt của chú. Chú nói với Sarah: “Ngo ke chai” (con của ta). Cô gái đáp lại đầy xúc động: “Ahpah” (bố ơi).

Mọi thứ trở nên dễ hiểu, và tôi đã nhận ra được tình cảm khó lý giải ấy. Điều mơ hồ trước đây giờ đã có thể được định rõ. Tình cảm đó thật đẹp đẽ, giống như vẻ đẹp rực rỡ của ánh sao hôm. Trong khoảnh khắc đáng nhớ ấy, tình yêu đã truyền từ một ông lão đang hấp hối để lấp đi khoảng trống trong trái tim của cô gái trẻ – hết như tình yêu của người cha đối với con của mình. Mím cười một cách thanh thản, chú Lý mãn nguyện chìm dần vào giấc ngủ vĩnh hằng.

Sarah và tôi trở thành bạn, buổi sáng định mệnh ấy đã gắn kết chúng tôi với nhau. Chúng tôi đến thăm em gái của chú Lý, cũng là người thân còn lại duy nhất của chú. Tại nhà bà, chúng tôi thấy bên cạnh bức ảnh của chú là hình của một phụ nữ trẻ. Tôi giật mình khi thấy có sự giống nhau đáng kinh ngạc đến thế! Cứ như thể tôi đang nhìn Sarah vậy. Em gái chú Lý cho biết người phụ nữ trong hình chính là vợ của chú Lý. Bà đã mất lúc sinh con, và đứa con gái bé bỏng của họ cũng mất ngay khi vừa chào đời. Chú Lý rất yêu người vợ trẻ, và hẳn là chú cũng sẽ rất yêu quý cô con gái của mình. Sarah đã khiến hình ảnh của cả hai mẹ con như được sống lại, và chú Lý cũng đã để lại một gia sản cho Sarah, đó chính là tình yêu thương.

- *Audrey Bowie*



boy.

live high in the hills and my body is getting old. One day I was out in my garden fussing with weeds and grew tired. I decided to lie back on the grass and rest like I used to when I was a small

I woke up some minutes later with a neighbor I had never met leaning over me, all out of breath, asking me if I were okay. He had looked out his window two blocks up the hill and saw me lying on my back on the grass, looking, I am sure, like the victim of a stroke or heart attack, and had run all the way down the hill to check on me.

It was embarrassing, but it was also so wonderfully touching. After we had it all sorted out, he let out a deep breath and lay down on the grass beside me. We both stayed there very quietly for a while and then he said, "Thank you for deciding to take your nap out on the lawn where I could see you and come here. The sky is such a beautiful thing, and I cannot remember the last time I really looked at it."

- *Random Acts of Kindness*

In the name of God, stop a moment, cease your work, look around you...

- *Leo Tolstoy*

Dòng đời tất bật



Tôi sống trên những ngọn đồi cao, và thể xác tôi đang ngày một già đi. Một ngày nọ, tôi ra vườn nhỏ cỏ và cảm thấy người rất mệt. Tôi bèn ngã lưng xuống thảm cỏ nghỉ ngơi như tôi vẫn thường làm khi còn bé.

Vài phút sau khi tỉnh dậy, tôi thấy một người hàng xóm mà tôi chưa từng được gặp mặt đang cúi xuống nhìn tôi, ông ấy vừa thở hổn hển vừa hỏi tôi có khỏe không. Qua khung cửa sổ cách ngọn đồi nơi tôi đang ở hai dãy nhà, ông nhìn thấy tôi đang nằm trên bãi cỏ, và tôi chắc là cảnh tượng đó trông tôi giống như đã bị đột quỵ hoặc lên cơn đau tim. Thế nên ông chạy một mạch lên đồi dốc để xem tôi có bị làm sao không.

Thật là ngượng hết sức, nhưng cũng cảm động biết bao. Sau khi nghe tôi giải thích mọi chuyện, ông ấy đã thở phào nhẹ nhõm và nằm xuống thảm cỏ, bên cạnh tôi. Chúng tôi cứ nằm lặng yên như thế một hồi lâu, rồi ông ấy nói: “Cảm ơn ông bạn đã quyết định nằm nghỉ trên thảm cỏ này, nơi tôi có thể trông thấy ông bạn mà chạy đến đây. Bầu trời đẹp biết bao, và tôi không thể nhớ được lần cuối cùng mình ngắm nhìn nó là khi nào nữa”.

- *Random Acts of Kindness*

Nhân danh Thượng Đế, hãy **dừng lại trong **chốc lát**,
hãy **tạm ngừng công việc** lại, hãy **ngắm nhìn**
cuộc sống xung quanh...**

- *Leo Tolstoy*



s a chauffeur for several years in the early 1910s, my father saw his affluent employer anonymously meet the needs of numerous people, aware they would never be able to repay him.

One instance stands out in my memory of the many stories my father shared with me. One day, my father drove his employer to another city for a business meeting. On the outskirts of town, they stopped for a sandwich lunch.

While they ate, several boys rolling hoops passed by their “Tin Lizzie.” One of the boys limped. Looking more closely, my father’s boss observed that the boy had a club -foot. He stepped out of the car and caught up with the boy.

“Does that foot give you a lot of trouble?” the man asked the youngster.

“It slows down my running some,” the boy replied. “And I have to cut up my shoe to make it comfortable. But I get along. Why’re you asking me these questions?”

“Well, I may be able to help get that foot fixed. Would you like that?”

“Sure,” he said. The youngster was happy but a little confused by the question.

The businessman wrote down the boy’s name and returned to the car. Meanwhile, the boys picked up their hoops and continued down the street.

As my father’s employer got back in the car, he said, “Woody, the boy who limps... his name is Jimmy. He’s eight years old. Find out where he lives and get his par ents’ names and address.” He handed my father the boy’s name on a piece of paper. “Go visit his parents this after noon and do your best to get their permission to let Jimmy have his foot operated on. We can do the paper work later. I’ll take care of all the costs.”

They finished their sandwiches, and my father drove his employer on to the business appointment.

It didn't take long to get Jimmy's home address from a nearby drugstore. Most everyone there knew the boy with the clubfoot.

The small house Jimmy and his family called home needed paint and repair. Looking around, my father noticed tattered shirts and patched dresses hanging on the clothes-line attached to the side of the house. A dis carded tire hanging from an old piece of rope on an oak tree served as a swing.

A woman in her mid-thirties responded to the knock on the rusty door. She looked tired, and her furrowed features betrayed a life of hardship.

"Good afternoon," my father greeted her. "Are you Jimmy's mother?"

She frowned slightly before responding. "Yeah. Is he in trouble?" Her eyes scanned my father's starched collar and pressed suit.

"No, ma'am. I represent a wealthy man who wants to get his foot fixed so he can play like all his friends."

"What's the catch, mister? Ain't nothing free in this life."

"This is no tease. If you'll let me explain it to you - and your husband, if he's around - I think I can make it clear. I know this is sudden. I don't blame you for being suspicious."

She looked at my father once again, and, still hesitant, invited him inside. "Henry," she called out in the direction of the kitchen, "come in here and talk to this man. He says he wants to help get Jimmy's foot fixed."

For almost an hour, my father explained the plan and answered their questions. "If you're willing to let Jimmy have these operations," he concluded, "I'll send you some permission papers to sign. Again, we pay all costs."

Perplexed, Jimmy's parents looked at each other. They still weren't sure about all this.

"Here's my card. I'll write you a letter when I send the permission papers. The things we have discussed, I'll put in the letter. If you have any more questions, call or write me at this address." This seemed to give them a little more assurance. My father left. His mission was accomplished.

Later, my father's employer got in touch with the mayor with a request to send someone to Jimmy's home to reas sure the family that

this was a legitimate offer. Of course, the name of the benefactor was not mentioned.

Soon, with permission papers signed and in hand, my father took Jimmy to an excellent hospital in another state for the first of five operations on his club-foot.

The operations were a success. Jimmy became a favorite of the nurses on the orthopedic ward at the hospital. Tears and hugs were shared all around when Jimmy left for the last time. They gave him a gift as a final gesture of their care... a new pair of shoes, specially made for his "new" feet.

Jimmy and my father got to be great friends as they traveled back and forth from the hospital. On the final trip home, they sang songs, talked about what Jimmy could do now with his fixed foot and shared silent times as they approached his house.

A smile flooded Jimmy's face when they arrived at his house and he stepped out of the car. His parents and two brothers stood clustered on the weathered front porch.

"Stay there," Jimmy yelled to them. They stared in amazement as Jimmy walked toward them. His limp had vanished.

Hugs, kisses and smiles surrounded the returned youngster with the "fixed foot." His parents shook their heads and grinned as they watched. They still could not believe that a man they had never seen would pay a large sum of money to have a foot corrected for a boy he did not know.

The wealthy benefactor removed his glasses and wiped tears from his eyes when the homecoming was described to him. "Do one more thing," he said. "Near Christmas time, contact a good shoe store. Have them invite every member of Jimmy's family to their store to be fitted for a new pair of shoes of their choice. I'll pay for them all. Let them know I will do this only once. I don't want them to become dependent on me."

Jimmy became a successful businessman. To my knowledge, Jimmy never knew who paid for his foot surgery. His benefactor, Mr. Henry Ford, always said it's more fun to do something for people when they don't know who did it.

- Woody McKay Jr.

There's a **delight** that **comes with helping**
other people.

- Paul Newman

Nhà hảo tâm ẩn mặt



Trong những năm đầu của thập niên 1910, bố tôi là tài xế riêng cho một ông chủ giàu có và đã chứng kiến ông ấy bí mật giúp đỡ rất nhiều người đang gặp khó khăn dù biết rằng họ sẽ chẳng bao giờ có thể đền đáp được.

Trong số những câu chuyện bố kể cho tôi nghe, có một việc mà tôi vẫn nhớ mãi. Ngày hôm đó, bố tôi lái xe chở ông chủ đến một thành phố khác để dự buổi họp kinh doanh. Ra tới vùng ngoại ô, họ dừng lại để ăn bữa trưa là bánh xăng-uych.

Trong lúc họ đang ăn thì có vài cậu bé chơi lăn vòng ngang qua chỗ “chiếc xe hơi rẻ tiền” của họ. Trong số đó có một đứa bé chân đi khập khiễng. Nhìn kỹ lại, ông chủ của bố tôi mới thấy đứa bé ấy bị tật bẩm sinh ở chân. Ông bước ra khỏi xe và tiến tới chỗ cậu bé.

“Chân cháu như thế có gặp khó khăn gì không?”, ông hỏi cậu bé.

“Nó làm cháu chạy chậm chút xíu thôi mà”, cậu bé đáp. “Vội lại cháu phải làm cho giày nhỏ bớt lại để cảm thấy thoải mái hơn. Nhưng cháu quen rồi. Sao ông lại hỏi như thế ạ?”

“À, ông có thể giúp cháu chữa lành cái chân ấy đấy. Cháu có thích không?”

Cậu đáp: “Chắc chắn là thích rồi ạ”. Cậu bé tỏ ra vui sướng nhưng vẫn còn chút bối rối trước câu hỏi ấy.

Vị thương gia ghi lại tên cậu bé rồi quay trở về xe. Trong lúc ấy, bọn trẻ nhặt mấy cái vòng lên rồi tiếp tục xuống phố.

Khi quay vào xe, ông chủ của bố tôi bảo: “Anh Woody này, đứa bé đi khập khiễng ấy... tên là Jimmy, tám tuổi. Anh tìm xem nhà nó ở đâu rồi cho tôi biết tên và địa chỉ của bố mẹ nó nhé”. Nói rồi ông đưa cho bố tôi tờ giấy có ghi tên cậu bé. “Chiều nay anh đến thăm bố mẹ cậu bé đi và hãy cố xin phép họ đồng ý cho Jimmy được giải phẫu chân. Còn giấy tờ bệnh viện ta sẽ làm sau. Tôi sẽ lo hết mọi chi phí phẫu thuật.”

Ăn bánh xăng-uych xong, bố tôi đưa ông chủ tới chỗ hẹn.

Bố tôi vào hiệu thuốc gần đó và ông chẳng mất nhiều thời gian để biết được địa chỉ nhà của Jimmy. Hầu như ai ở đó cũng biết cậu bé bị khập khiễng một chân.

Chỗ ở chật hẹp mà Jimmy và gia đình cậu bé gọi là nhà đó cần phải được sơn phết và sửa chữa lại. Nhìn quanh, bố tôi thấy mấy chiếc áo sơ mi rách tả tơi và vài cái áo đầm vá loang lỗ đang phơi trên dây quần áo cột tạm bợ vào vách nhà. Một chiếc vỏ xe mà người ta đã bỏ đi được treo vào một đoạn dây thừng cũ kỹ vắt qua cành sồi để làm xích đu.

Một phụ nữ ngoài ba mươi tuổi đáp lời khi nghe tiếng bố tôi gõ vào cánh cửa hoen gỉ. Trông chị có vẻ mệt mỏi, và những nếp nhăn hằn sâu trên gương mặt cho thấy cuộc sống cơ cực của chị.

“Chào chị”, bố tôi chào chị ấy. “Chị có phải là mẹ cháu Jimmy không?”

Chị khẽ nhú mày trước khi trả lời bố tôi. “Vâng, nó lại gặp chuyện gì nữa sao?” Ánh mắt chị nhìn vội chiếc cổ áo còn cứng hồ và bộ đồ vết được ủi phẳng phiu của bố tôi.

“Không phải. Tôi đến đây là thay mặt cho một người đàn ông giàu có với ý định giúp cháu chữa lành chân để cháu có thể chơi đùa bình thường như các bạn của cháu.”

“Thế điều kiện là gì, thưa ông? Chứ ở đời này chẳng có gì cho không cả.”

“Chẳng phải chuyện đùa đâu chị. Nếu chị để tôi giải thích với chị và cả với anh nhà nữa, nếu có anh ấy ở đây, tôi nghĩ chị sẽ hiểu thôi. Tôi biết việc này khá bất ngờ nên tôi cũng không trách được những nghi ngờ của chị.”

Chị ấy lại nhìn bố tôi lần nữa, và mời ông vào nhà dù vẫn chưa hết do dự. “Anh Henry”, chị quay xuống bếp gọi to, “ra nói chuyện với ông này nè. Người ta nói muốn giúp thằng Jimmy chữa chân”.

Suốt gần một tiếng đồng hồ, bố tôi đã phải giải thích kế hoạch chữa trị và trả lời mọi câu hỏi của hai vợ chồng ấy. Rồi ông kết thúc buổi nói chuyện của mình: “Nếu anh chị bằng lòng cho Jimmy tiến hành ca phẫu thuật này thì tôi sẽ gửi đến một số giấy tờ để anh chị ký tên vào. Xin nói lại là chúng tôi sẽ chịu mọi chi phí”.

Thoáng chút bối rối, bố mẹ Jimmy đưa mắt nhìn nhau. Họ vẫn không tin lắm về tất cả những chuyện này.

“Đây là danh thiếp của tôi. Tôi sẽ viết thư cho anh chị khi gửi các giấy tờ đến. Trong thư tôi sẽ nói lại những việc chúng ta vừa bàn với nhau. Nếu cần hỏi thêm gì nữa, anh chị cứ gọi điện hay viết thư cho tôi theo địa chỉ ở đây.” Dường như cam kết này làm họ an tâm hơn. Rồi bố tôi đứng dậy ra về. Ông đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Sau đó, ông chủ của bố liên hệ với ngài thị trưởng và nhờ ông ấy cho người tới nhà bé Jimmy để trấn an bố mẹ cậu rằng đây là một lời đề nghị giúp đỡ hoàn toàn hợp pháp. Dĩ nhiên, danh tánh của nhà hảo tâm không hề được đề cập đến.

Chẳng bao lâu sau, khi mọi giấy tờ đã được ký nhận, bố tôi đưa Jimmy tới bệnh viện tốt nhất ở một tiểu bang khác để tiến hành ca phẫu thuật chân đầu tiên trong tổng số năm ca phẫu thuật chữa trị cho cậu bé.

Tất cả các ca giải phẫu đều thành công tốt đẹp. Jimmy được các cô y tá khoa chỉnh hình trong bệnh viện rất yêu mến. Khi Jimmy xuất viện, tất cả đều khóc và ôm hôn cậu bé khi chia tay cậu lần cuối. Các cô còn tặng cậu bé một món quà cũng là hành động cuối cùng nói lên sự quan tâm của họ dành cho cậu. Đó là một đôi giày mới, được thiết kế đặc biệt dành cho bàn chân “mới” của cậu.

Jimmy và bố tôi đã trở thành những người bạn thân thiết qua những lần cùng ra vào bệnh viện. Trong lần cuối cùng trở về nhà, hai bác cháu đã ca hát, trò chuyện về những điều Jimmy có thể làm được với bàn chân đã được chỉnh hình bình thường, và khi về gần đến nhà, hai bác cháu đã lặng im bên nhau hồi lâu.

Khi về đến nhà và bước ra khỏi xe, một nụ cười rạng rỡ nở trên gương mặt của Jimmy. Bố mẹ cùng hai em trai của cậu bé đang túm tụm chờ đón trước hiên nhà rách nát.

“Cứ đứng đó”, Jimmy la lên. Cả nhà tròn mắt kinh ngạc khi thấy Jimmy đi về phía mình. Dáng đi khập khiễng của cậu bé ngày trước đã biến mất.

Những vòng tay ôm hôn và cả những tiếng cười vây quanh cậu bé vừa trở về nhà với cái chân lành lặn. Bố mẹ cậu bé cứ vừa lắc đầu vừa cười sung sướng khi nhìn con mình. Họ vẫn chưa thể nào tin rằng người đàn ông mà họ chưa bao giờ biết mặt lại trả một số tiền lớn như thế để chỉnh hình chân cho một đứa bé ông không hề quen biết.

Khi nghe bố tôi kể lại cảnh đoàn viên ở nhà cậu bé, nhà hảo tâm giàu có ấy đã tháo kính ra để lau đi những giọt nước mắt của mình. Ông nói với bố tôi: “Giờ anh làm thêm chuyện này nữa nhé. Gần tới lễ Giáng sinh, anh hãy liên hệ với một hiệu giày thật tốt. Nói với chủ cửa hiệu là hãy mời cả nhà Jimmy đến để họ chọn một đôi giày mới vừa vặn cho mình. Tôi sẽ trả tiền hết. Nhưng hãy nói cho họ biết là tôi chỉ làm điều này một lần thôi đấy nhé. Tôi không muốn họ phụ thuộc vào tôi”.

Về sau, cậu bé Jimmy ấy đã trở thành một nhà kinh doanh thành

đạt. Theo tôi biết thì Jimmy chẳng bao giờ biết được ai là người đã chi trả cho ca phẫu thuật chân của mình. Còn ân nhân của cậu, ông Henry Ford, vẫn luôn nói rằng ông sẽ vui hơn rất nhiều khi được giúp đỡ những người mà họ không hề biết ông là ai.

- *Woody McKay Jr.*

Thông thường, niềm vui sẽ đi cùng với việc giúp đỡ người khác.

- *Paul Newman*



'll never forget Easter 1946. I was fourteen, my little sister, Ocy, was twelve and my older sister, Darlene, was sixteen. We lived at home with our mother, and the four of us knew what it was to do without. My dad had died five years before, leaving Mom with no money and seven school-aged kids to raise.

By 1946, my older sisters were married and my brothers had left home. A month before Easter, the pastor of our church announced that a special holiday offering would be taken to help a poor family. He asked everyone to save and give sacrificially.

When we got home, we talked about what we could do. We decided to buy fifty pounds of potatoes and live on them for a month. This would allow us to save twenty dollars of our grocery money for the offering. Then we thought that if we kept our electric lights turned out as much as possible and didn't listen to the radio, we'd save money on that month's electric bill. Darlene got many house and yard-cleaning jobs, and both of us babysat for everyone we could. For fifteen cents we could buy enough cotton to make three potholders to sell for a dollar. We made twenty dollars on potholders. That month was one of the best of our lives.

Every day we counted the money to see how much we had saved. At night we'd sit in the dark and talk about how the poor family was going to enjoy having the money the church would give them. We had about eighty people in church, so we figured that whatever amount of money we had to give, the offering would surely be twenty times that much. Every Sunday, the pastor had reminded everyone to save for the sacrificial offering.

The night before Easter, we were so excited that we could hardly sleep. We didn't care that we wouldn't have new clothes for Easter; we had seventy dollars for the sacrificial offering. We eagerly waited to get to church! On Sunday morning, rain was pouring. We didn't own an umbrella, and the church was over a mile from our home, but it didn't seem to matter how wet we got. Darlene had cardboard in her shoes to fill the holes. The cardboard came apart, and her feet got wet.

But we sat in church proudly. I heard some teenagers talking about

our old dresses. I looked at them in their new clothes, and I felt rich.

When the sacrificial offering was taken, we were sitting in the second row from the front. Mom put in the ten-dollar bill, and each of us kids put in a twenty-dollar bill.

We sang all the way home from church. At lunch, Mom had a surprise for us. She had bought a dozen eggs, and we had boiled eggs with our fried potatoes! Late that afternoon, the minister drove up in his car. Mom went to the door, talked with him for a moment, and then came back with an envelope in her hand. We asked what it was, but she didn't say a word. She opened the envelope and out fell a bunch of money. There were three crisp twenty-dollar bills, one ten-dollar bill and seventeen one-dollar bills.

Mom put the money back in the envelope. We didn't talk, just sat and stared at the floor. We had gone from feeling like millionaires to feeling poor. We kids had such a happy life that we felt sorry for anyone who didn't have our Mom and our late Dad for parents and a house full of brothers and sisters and other kids visiting constantly. We thought it was fun to share silverware and see whether we got the spoon or the fork. We had two knives that we passed around to whoever needed them. I knew we didn't have a lot of things that other people had, but I'd never thought we were poor.

That Easter day I found out we were. The minister had brought us the money for the poor family, so we must be poor, I thought. I didn't like being poor. I looked at my dress and worn-out shoes and felt so ashamed - I didn't even want to go back to church. Everyone there probably already knew we were poor!

I thought about school. I was in the ninth grade and at the top of my class of over one hundred students. I wondered if the kids at school knew that we were poor. I decided that I could quit school since I had finished the eighth grade. That was all the law required at that time.

We sat in silence for a long time. Then it got dark, and we went to bed. All that week, we girls went to school and came home, and no one talked much. Finally, on Saturday, Mom asked us what we wanted to do with the money. What did poor people do with money? We didn't know. We'd never known we were poor. We didn't want to go to church on Sunday, but Mom said we had to.

Although it was a sunny day, we didn't talk on the way. Mom started to sing, but no one joined in, and she sang only one verse.

At church we had a missionary speaker. He talked about how churches in Africa made buildings out of sun-dried bricks, but they needed money to buy roofs. He said one hundred dollars would put a roof on a church. The minister added, "Can't we all sacrifice to help these poor people?" We looked at each other and smiled for the first time in a week.

Mom reached into her purse and pulled out the envelope. She passed it to Darlene. Darlene gave it to me, and I handed it to Ocy. Ocy put it in the offering.

When the offering was counted, the minister announced that it was a little over one hundred dollars. The missionary was excited. He hadn't expected such a large offering from our small church. He said, "You must have some rich people in this church." We felt so surprised! We had given eighty-seven dollars of that "little over one hundred dollars."

We were the rich family in the church! Hadn't the missionary said so? From that day on, I've never been poor again.

- *Eddie Ogan*

Gia đình giàu có



Tôi sẽ không bao giờ quên được lễ Phục sinh năm 1946. Năm đó tôi 14 tuổi, em gái Ocy của tôi 12 tuổi, còn chị Darlene 16 tuổi. Chúng tôi ở cùng với mẹ, và bốn mẹ con chúng tôi rất hiểu cảnh tự lo liệu là như thế nào. Bố tôi đã mất năm năm trước, chẳng để lại cho mẹ tôi tài sản gì ngoài bảy đứa con đang độ tuổi ăn học.

Cũng vào khoảng năm 1946, các chị của tôi đi lấy chồng, và các anh tôi cũng thoát ly khỏi gia đình. Một tháng trước ngày lễ Phục sinh, vị mục sư ở nhà thờ chúng tôi vẫn thường đi lễ thông báo rằng năm nay nhà thờ sẽ tổ chức một ngày lễ quyên góp đặc biệt để giúp một gia đình đang gặp khó khăn. Ông kêu gọi mọi người nên dành dụm ít tiền và dang tay giúp đỡ.

Khi về đến nhà, chúng tôi bàn với nhau xem mình có thể làm được gì. Chúng tôi quyết định mua 25 ký khoai tây để dành ăn cả tháng. Như thế chúng tôi sẽ tiết kiệm được 20 đô la tiền chợ để làm tiền quyên góp. Sau đó, chúng tôi thấy rằng nếu hạn chế tối đa việc sử dụng đèn điện và không nghe đài thì chúng tôi còn tiết kiệm được thêm khoản tiền điện của tháng đó nữa. Chị Darlene nhận việc quét sân, lau nhà cho nhiều người, và cả hai chị em tôi cùng nhận trông trẻ cho bất kỳ ai có nhu cầu. Chỉ với 15 xu là chị em tôi đã có thể mua đủ vải bông để may ba miếng nhấc nôi rồi đem bán được một đô la. Chúng tôi đã kiếm được 20 đô la nhờ vào việc làm đồ nhấc nôi. Đó là một trong những tháng tuyệt nhất trong cuộc đời của mẹ con chúng tôi.

Mỗi ngày chúng tôi đều đếm xem mình đã dành dụm được bao nhiêu tiền. Ban đêm, chúng tôi cứ ngồi trong bóng tối và bàn tán xem gia đình nghèo khó kia sẽ vui sướng thế nào khi nhận được số tiền mà nhà thờ sẽ góp tặng họ. Giáo xứ có khoảng tám mươi người, vì vậy chúng tôi tính toán rằng chắc chắn số tiền cả giáo xứ quyên góp được sẽ phải gấp hai mươi lần số tiền chúng tôi dự tính trao tặng. Chủ nhật nào mục sư cũng nhắc mọi người nhớ tiết kiệm ít tiền cho đợt quyên góp.

Vào đêm trước lễ Phục sinh, chúng tôi nôn nao đến mức gần như không thể ngủ được. Chúng tôi không hề quan tâm đến chuyện mình không có quần áo mới để mặc vào dịp lễ Phục sinh, mà chỉ quan tâm đến việc cả nhà đã dành dụm được những bảy mươi đô la cho đợt quyên góp. Chúng tôi háo hức chờ đợi đến lúc được đến nhà thờ! Sáng Chủ

nhật đó, trời mưa như trút nước. Tuy không có dù che, lại ở cách xa nhà thờ hơn một dặm, nhưng mấy mẹ con tôi chẳng ngại gì chuyện mình sẽ bị ướt. Chị Darlene nhét miếng bìa cứng vào giày để bít mấy cái lỗ thủng. Nước vào miếng bìa bị rỉ, và bàn chân của chị cũng ướt sũng.

Nhưng rồi chúng tôi cũng yên vị trong nhà thờ, lòng đầy tự hào. Tôi nghe các bạn trạc tuổi mình bình phẩm gì đó về mấy bộ váy cũ chị em tôi đang mặc. Tôi ngắm nhìn họ trong những bộ quần áo mới, nhưng tôi vẫn cảm thấy mình là người giàu có.

Khi đợt quyên góp diễn ra, chúng tôi đang ngồi ở hàng ghế thứ hai từ trên đếm xuống. Mẹ cho vào thùng quyên góp một tờ mười đôla, còn chị em tôi mỗi người đóng góp một tờ hai mươi đô la.

Chúng tôi ca hát suốt trên đoạn đường trở về nhà. Vào giờ cơm trưa, mẹ dành cho chị em tôi một sự ngạc nhiên. Mẹ đã mua sẵn mười hai quả trứng, và chúng tôi đã luộc trứng để ăn kèm với khoai tây chiên! Chiều tối hôm ấy, vị mục sư đi xe đến nhà chúng tôi. Mẹ ra cửa nói chuyện với ông một lát, và sau đó trở vào nhà với một chiếc phong bì trên tay. Chúng tôi hỏi đó là gì, nhưng mẹ chẳng nói lời nào. Mẹ mở phong bì, một xấp tiền rơi ra. Có tất cả ba tờ hai mươi đô la mới cứng, một tờ mười đô la và mười bảy tờ một đô la.

Mẹ cất lại số tiền đó vào phong bì. Cả nhà không ai nói gì mà chỉ ngồi nhìn trân trân xuống đất. Mới đây còn thấy mình là người giàu có, giờ chúng tôi mới hiểu ra mình là người nghèo khổ. Ba chị em tôi đã có một cuộc sống quá hạnh phúc đến nỗi chúng tôi còn thấy tội nghiệp cho những ai không có được bố mẹ như mẹ và người bố đã quá cố của chúng tôi, không có được gia đình đông anh chị em như chúng tôi và không được mấy đứa trẻ khác ghé thăm thường xuyên như vậy. Chúng tôi nghĩ rằng việc chị em dùng chung cái đĩa bạc rồi tìm xem mình có cái muỗng hay cái nĩa nào không cũng vui lắm chứ. Nhà chỉ có hai con dao nên chúng tôi cứ phải chuyền tay nhau trong bữa ăn. Tôi biết nhà mình không có nhiều thứ như những người khác, nhưng chưa bao giờ tôi nghĩ là gia đình mình nghèo.

Thế mà vào ngày lễ Phục sinh đó, tôi mới biết là nhà mình như vậy. Vị mục sư đã mang đến cho chúng tôi số tiền dành tặng gia đình nghèo, nên chắc chắn là nhà tôi nghèo, tôi thậm chí nghĩ. Tôi không thích mình bị coi là nghèo. Tôi nhìn lại chiếc váy đầm, nhìn lại đôi giày đã mòn của mình và cảm thấy vô cùng xấu hổ – thậm chí tôi còn không muốn trở lại nhà thờ nữa. Mọi người ở đó hẳn đã biết nhà tôi nghèo rồi.

Tôi nghĩ đến trường học của mình. Tôi là học sinh lớp chín, lớp tôi có trên một trăm học sinh và tôi vẫn luôn đứng đầu lớp. Tôi tự hỏi

không biết mấy đứa bạn ở trường có biết nhà tôi nghèo hay không. Tôi quyết định sẽ bỏ học vì tôi cũng đã học xong lớp tám rồi. Thời đó thì chỉ cần có thể thôi.

Chúng tôi ngồi lặng im thật lâu. Trời tối, và cả nhà chúng tôi đi ngủ. Suốt cả tuần, mấy chị em tôi cứ cắp sách tới trường rồi về nhà mà chẳng ai nói gì nhiều. Cuối cùng, vào ngày thứ Bảy, mẹ hỏi chúng tôi muốn làm gì với số tiền ấy. Người nghèo dùng tiền để làm gì đây? Chúng tôi không biết. Chúng tôi chưa bao giờ biết là mình nghèo. Chúng tôi không muốn đi lễ vào Chủ nhật nữa, nhưng mẹ bảo chúng tôi phải đi.

Dù hôm ấy trời nắng đẹp, nhưng trên đường đi chúng tôi chẳng ai nói với ai lời nào. Mẹ bắt đầu hát, nhưng chẳng đứa nào hưởng ứng, và mẹ cũng chỉ hát mãi có một câu.

Buổi lễ hôm ấy có một nhà truyền giáo đến diễn thuyết. Ông kể về những ngôi nhà thờ ở châu Phi được xây bằng gạch phơi khô ngoài nắng, nhưng họ cần có tiền để mua vật liệu lợp mái nhà. Ông bảo số tiền một trăm đô la là đủ để lợp mái nhà cho một nhà thờ. Vị mục sư nói thêm: “Lẽ nào tất cả chúng ta ở đây không thể hy sinh chút ít để giúp đỡ những con người nghèo khó ấy sao?”. Mẹ con tôi đưa mắt nhìn nhau và lần đầu tiên trong suốt tuần lễ ấy, nụ cười lại chớm nở trên môi chúng tôi.

Mẹ lần tay trong ví và lấy ra chiếc phong bì. Mẹ đưa nó cho chị Darlene. Darlene chuyển cho tôi, tôi lại đưa tiếp cho Ocy. Ocy để phong bì vào thùng quyên góp.

Sau khi đếm xong số tiền quyên góp, vị mục sư thông báo rằng số tiền có được đã vượt con số một trăm đô la một chút. Nhà truyền giáo rất phấn khởi. Ông đã không nghĩ rằng sẽ quyên được số tiền lớn như thế từ nhà thờ nhỏ bé của chúng tôi. Ông bảo, “Hẳn trong nhà thờ này có một số người rất giàu có”. Chúng tôi cảm thấy bất ngờ quá đỗi! Chính gia đình tôi đã đóng góp 87 đô la trong số tiền “hơn một trăm đô la một chút” ấy.

Chúng tôi là gia đình giàu có trong nhà thờ! Chẳng phải nhà truyền giáo đã nói như thế sao? Từ đó trở đi, tôi không bao giờ cảm thấy mình là kẻ nghèo khó nữa.

- *Eddie Ogana*



f wrinkles signaled lessons learned, then Bennett Kindrick must have known it all. At eighty-two, Bennett had every reason to consider himself a graduate of the classroom of life. But on this particular Sunday morning, Bennett's face shone with the schoolboy brightness of a new insight.

And well it should! For I was the preacher that morning, and I had worked all week to string together the most dazzling pearls of wisdom ever displayed before this usually passive group of pewsitters. That morning I preached the splendor of heaven to folks I thought were hopelessly bound to earth. Surely this inspirational message was the source of the brightness in Bennett's eyes.

After the service, I greeted him at the door. "So, Mr. Kindrick," I asked, "what did you learn today that has you so excited?" The question zinged from my lips like fishing line from an angler desperate for the compliment of a bite.

"Is it that obvious? I've been this excited since last Friday morning." He continued, "You see, I've been studying a particular passage of scripture for fifty years, and just this week, it finally made sense to me."

Realizing that Bennett's brightness had nothing to do with my message, I soon understood that it was he who was offering me a jewel - the truth that learning is a lifelong process. The revelation that dawned in Bennett's heart at age eighty-two could not have happened if he had given up learning at age thirty-two. What if he had stopped trying to understand that verse at age forty-two, or fifty-two or even seventy-two? The truth in that scripture verse might have escaped him. Only on that great Friday, after eight decades of experience and preparation, could he have been prepared to grasp that pearl of wisdom.

Bennett's revelation encourages me never to tire in my quest for insight. I realize now that to give up trying to understand new things today is to forfeit lessons that can only be learned tomorrow.

When I got home after talking to Mr. Kindrick that morning, I rushed to look up the scripture verse he had been studying all those

years. The verse made no sense to me.

Well, maybe when I'm eighty-two...

- *Dudley Callison*

Is not **wisdom** found among **the aged**?

Does not **long life** bring **understanding**?

- *Job 12:12*

Viên ngọc thông thái của ông Kindrick



Nếu nếp nhăn biểu thị cho những bài học ta đã học thì chắc hẳn ông Bennett Kindrick đã học được rất nhiều. Ở tuổi tám mươi hai, ông Bennett có đủ lý do để tự xem mình là người đã tốt nghiệp trường đời. Nhưng vào buổi sáng Chủ nhật đặc biệt này, gương mặt ông Bennett lại sáng lên vẻ rạng rỡ của một cậu học trò vừa mới khám phá được một bài học mới mẻ.

Mà đúng là như vậy thật! Bởi vì tôi là mục sư giảng đạo vào sáng hôm đó, và tôi đã làm việc suốt cả tuần để xâu chuỗi những viên ngọc sáng nhất của kiến thức uyên thâm mà tôi chưa bao giờ trình bày trước một nhóm cử tọa vốn thường rất thụ động này. Sáng hôm ấy tôi đã thuyết giảng về cảnh huy hoàng nơi thiên đường cho những con người mà tôi nghĩ là đã bị ràng buộc một cách vô vọng ở chốn trần gian. Chắc chắn thông điệp đầy cảm hứng này đã khơi nguồn nên nét rạng rỡ trong ánh mắt của ông Bennett.

Sau buổi lễ, tôi đón gặp ông ở cổng nhà thờ. Tôi hỏi: “Ông Kindrick này, hôm nay ông đã nghe thấy điều gì khiến ông phấn khởi như vậy?”. Câu hỏi phát ra từ miệng tôi giống như dây câu được tung ra từ một người đi câu đang nóng lòng chờ cá đớp mồi.

“Dễ thấy như vậy sao? Tôi vui từ sáng thứ Sáu kia.” Rồi ông nói tiếp: “Cha biết không, tôi đã tìm hiểu một đoạn kinh thánh trong suốt năm mươi năm qua, mãi đến tuần này tôi mới hiểu ra ý nghĩa của nó”.

Nhận thấy nét phấn khởi trên gương mặt ông Bennett chẳng liên quan gì đến thông điệp của mình, tôi sớm hiểu ra chính ông là người đã tặng cho tôi một viên ngọc quý giá – một chân lý cho thấy việc học là một quá trình dài suốt đời người. Sự giác ngộ vừa soi sáng tâm hồn ông Bennett ở tuổi tám mươi hai sẽ chẳng thể nào có được nếu ông từ bỏ việc học hỏi từ năm ba mươi hai tuổi. Điều gì sẽ xảy ra nếu ông thôi không còn nỗ lực tìm hiểu đoạn kinh đó từ năm bốn mươi hai, năm mươi hai hay thậm chí là năm ông bảy mươi hai tuổi? Hẳn ông sẽ không bao giờ hiểu được chân lý của đoạn kinh thánh ấy. Chỉ vào ngày thứ Sáu tuyệt vời vừa rồi, sau tám thập niên trải nghiệm và chuẩn bị, ông mới có thể sẵn sàng nắm bắt được viên ngọc của sự thông thái ấy.

Khám phá của ông Bennett khuyến khích tôi không bao giờ được phép mệt mỏi trên con đường kiếm tìm tri thức. Giờ đây tôi nhận ra

rằng việc từ bỏ nỗ lực để tìm hiểu những điều mới mẻ của hôm nay là tự đánh mất những bài học mà mai này ta mới thấm thía.

Sáng hôm ấy, sau khi trò chuyện cùng ông Kindrick, tôi về nhà và lao ngay vào đọc đoạn kinh thánh mà ông đã nghiền ngẫm ngần ấy năm qua. Tôi chẳng hiểu ý nghĩa của câu kinh thánh đó là gì cả.

Vâng, có lẽ phải chờ đến khi tôi tám mươi hai tuổi...

- *Dudley Callison*

Chẳng phải ta tìm thấy **trí khôn** ở những người **có tuổi** hay sao?

Chẳng phải **tuổi thọ** mang lại **sự hiểu biết** đó sao?

- *Job 12:12*



arm, friendly, attractive, gifted. That described Julie, one of my all-time favorite students from human development courses I taught at the University of Nebraska. She was a delightful person and an ideal student.

I remember Julie coming to the front of the classroom after class one autumn day in September 1976. While most of the other students hurriedly left to enjoy the balmy weather or to relax at the student union, Julie remained to ask questions about the next week's exam. She had obviously already done some serious studying. Several other students overheard Julie's questions and joined our conversation. Julie's winsome personality drew people to her.

But Julie never made it to the exam. The day after our conversation, she was struck by a large truck as she biked through an intersection near campus. I was stunned to hear that Julie lay unconscious and motionless in a hospital opposite the campus where only hours before she was talking with friends, laughing, making plans for the future.

Only minutes before the accident, Julie and her mother had enjoyed one of their customary daily telephone conversations. Her mother recalls their last conversation. "Julie was so bubbly. At a store near the campus, she had seen an outfit she wanted to wear on a special date, and I told her to go ahead and buy it. She didn't take her car because she would lose her parking place on campus. Instead, she jumped on her bike to go buy the new outfit. The accident happened just a short distance from the sorority house where she lived." My thoughts cried out to Julie - You cannot die, Julie! You're every professor's dream - and every parent's. You have so much to offer. So much to live for.

Nurses silently came and went from Julie's room. Her parents stood nearby in quiet desperation. Then the physician entered the room, cleared his throat, and said to Julie's parents and two brothers, "Your Julie has only a few hours to live." He felt the freedom to ask, "Would you consider donating some of Julie's organs?"

At that same hour in a neighboring state, Mary leaned forward, struggling to see better in her small, cluttered living room. Her eyes

followed every movement of her lively two-year-old. This devoted mother was storing up memories to savor when she could no longer see her child. Mary was going blind.

Several states away, John had almost finished six hours on the dialysis machine. This young father was reading to his two sons while his immobilized body was connected to a “artificial kidney.” Doctors had given him a grim prognosis of only weeks to live. His only hope was a kidney transplant.

At the same time in the Lincoln, Nebraska, hospital, Julie’s grief-stricken parents pondered the finality of the physician’s question. Their pretty brunette, brown-eyed daughter had once said she wanted to be an organ donor in the event of her death. The two parents looked at each other briefly, the anguish in their hearts reflected in their eyes. Then they turned to the physician and responded, “Yes. Julie always gave to others while she was alive. She would want to give in death.”

Within twenty-four hours, Mary was notified that she would receive Julie’s eyes, and John was told to start preparing for a kidney transplant. Julie’s other organs would give life to other waiting recipients.

“Julie died right after her twentieth birthday - twenty-four years ago. She left us with very happy memories,” says Julie’s mother, now in her seventies. “Nothing -absolutely nothing - could possibly be as heartbreaking as the death of your child,” she emphasizes, “for your heart breaks again and again. At each birthday. At each holiday. At each milestone: when she would’ve graduated; when she might’ve married; when she might’ve been having children.” Taking a slow and deliberate breath, Julie’s mother says, “But Julie’s life was a gift to us. Knowing that in her death, she gave the gift of life and sight to others is comforting to us, and remembering that we carried out her wishes has helped us cope with her death more than anything else.”

Her voice softening, Julie’s mother says, “You and Julie’s other friends and teachers were an important part of her life. Your teaching influenced her life tremendously, and you remind us that our love for Julie and Julie’s love for others are alive today.”

As one of Julie’s professors, I hold the thought that I may have had a small part in teaching Julie how to live. But she - and her family - are still teaching me an even greater lesson: How to die.

- Barbara Russell Chesser

Một bài học ý nghĩa hơn



Nhiệt tình, thân thiện, lôi cuốn, có tài. Đó là Julie, một trong những sinh viên tôi luôn yêu quý trong thời gian giảng dạy về chuyên đề “Sự phát triển của nhân loại” ở trường Đại học Nebraska. Em là một người rất thú vị và là một sinh viên mẫu mực.

Tôi nhớ mãi một ngày thu tháng Chín năm 1976, Julie đến gặp tôi khi tiết học vừa kết thúc. Trong khi đa số những sinh viên khác vội chạy ra khỏi lớp để tận hưởng khí trời mát dịu hoặc đến khu nhà nghỉ của hội sinh viên để giao lưu với nhau thì Julie vẫn nán lại hỏi tôi về kỳ thi tuần tới. Rõ ràng là cô sinh viên này học hành rất nghiêm túc. Một vài sinh viên khác tình cờ nghe được những câu hỏi của Julie cũng dừng lại tham gia vào câu chuyện của chúng tôi. Chính tính cách cởi mở của Julie đã cuốn hút mọi người đến với em.

Nhưng Julie đã không bao giờ tham dự được giờ thi đó. Một ngày sau buổi trò chuyện của chúng tôi, cô bé đã bị một chiếc xe tải cỡ lớn đâm phải khi đang đạp xe băng qua giao lộ gần trường. Tôi sửng sốt khi nghe tin Julie đang nằm hôn mê trong bệnh viện đối diện trường - nơi mà chỉ vài giờ trước đó em còn cười đùa, tán gẫu với bạn bè và dự tính cho tương lai của mình.

Chỉ ít phút trước tai nạn ấy, Julie và mẹ em còn nói chuyện qua điện thoại rất vui vẻ như thường lệ. Mẹ em nhớ lại lần trò chuyện cuối cùng giữa hai mẹ con: “Julie nhiệt tình lắm! Con bé thấy cửa hiệu gần trường có bán bộ quần áo mà nó rất thích mặc vào một dịp đặc biệt nào đó, và tôi bảo con bé cứ mua đi. Con bé không đi học bằng xe hơi vì cứ hay quên chỗ đỗ xe trong trường mãi. Thế là con bé nhảy lên xe đạp để đi mua bộ quần áo đó. Nơi xảy ra tai nạn chỉ cách khu tập thể nữ con bé đang ở một quãng ngắn mà thôi.” Mọi suy nghĩ trong tôi gào thét vì thương tiếc Julie: “Julie ơi, em không thể chết được! Em là sinh viên mà bất cứ giáo viên nào cũng mơ ước có trong lớp của mình, là đứa con mơ ước của các bậc cha mẹ. Em còn rất nhiều điều để cống hiến, còn rất nhiều lý do để sống”.

Các cô y tá lặng lẽ ra vào phòng của Julie. Bố mẹ cô bé đứng lặng yên cạnh bên em trong sự tuyệt vọng. Sau đó bác sĩ bước vào phòng, ông hắng giọng và nói với bố mẹ cùng hai em trai của Julie: “Julie chỉ còn sống được vài giờ đồng hồ nữa thôi!”. Rồi ông thẳng thắn hỏi: “Gia đình

ta có định hiến tặng một số bộ phận trên cơ thể của Julie không?”.

Cùng lúc đó, ở tiểu bang lân cận, Mary đang cúi mình về phía trước, cố gắng căng mắt để nhìn căn phòng khách nhỏ, bề bộn của mình được rõ hơn. Mắt cô dõi theo mọi cử động của đứa con đáng yêu vừa tròn hai tuổi của mình. Người mẹ rất mực yêu thương con này đang lưu mọi kỷ niệm để một mai khi không còn nhìn thấy con được nữa, cô có thể hồi tưởng lại chúng. Mary sắp bị mù.

Cách đó vài tiểu bang, John sắp kết thúc sáu giờ đồng hồ với chiếc máy điều trị thẩm tách. Tuy cơ thể bất động của anh đang được nối với “quả thận nhân tạo”, nhưng ông bố trẻ này vẫn đọc truyện cho hai cậu con trai của mình nghe. Bác sĩ đã đưa ra một chẩn đoán ác nghiệt rằng anh chỉ còn sống được thêm vài tuần nữa. Hy vọng sống duy nhất của anh giờ đây là được ghép thận.

Cùng thời điểm đó ở bệnh viện Lincoln, tiểu bang Nebraska này đây, bố và mẹ của Julie đã kiệt sức vì đau buồn, và họ đang cân nhắc để trả lời dứt khoát câu hỏi của bác sĩ. Đứa con gái có nước da hơi ngăm, có đôi mắt nâu của họ từng có lần nói rằng nếu cô bé chết, cô bé muốn hiến tặng các bộ phận trên cơ thể của mình. Hai vợ chồng nhìn nhau trong giây lát, nỗi đau đớn trong lòng hiện rõ trong đôi mắt của họ. Rồi họ quay sang vị bác sĩ đáp: “Vâng! Lúc còn sống, Julie luôn biết sẽ chia với người khác. Và chắc con bé cũng vẫn muốn chia sẻ ngay cả khi mình lìa xa thế giới này”.

Chỉ trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, Mary hay tin cô sẽ nhận được đôi mắt của Julie; còn John thì được báo rằng hãy chuẩn bị cho ca phẫu thuật ghép thận. Những bộ phận khác của Julie còn mang lại sự sống cho nhiều bệnh nhân nữa.

Mẹ của Julie, giờ đã bước vào độ tuổi 70, kể lại: “Julie mất ngay sau sinh nhật lần thứ hai mươi của mình – cách đây cũng hai mươi bốn năm rồi. Con bé đã để lại cho chúng tôi những kỷ niệm rất tuyệt vời”. Bà còn nhấn mạnh: “Không gì, chắc chắn là không gì đau lòng bằng cái chết của con mình. Vì tim ta cứ còn đau mãi. Đau vào mỗi dịp sinh nhật của con, mỗi kỳ nghỉ hè, mỗi giai đoạn quan trọng như: thời điểm mà lẽ ra con mình sẽ tốt nghiệp, thời điểm mà con mình sẽ lập gia đình, thời điểm mà lẽ ra nó sẽ sinh con”. Hít thở thật chậm rãi và thông thả, mẹ của Julie nói tiếp: “Nhưng cuộc sống của Julie là món quà tặng cho chúng tôi. Chúng tôi cảm thấy được an ủi vì biết rằng sau khi chết, con bé vẫn tặng món quà của sự sống và ánh sáng cho người khác. Và hơn bất cứ điều gì khác, chỉ cần nhớ rằng mình đã thực hiện được những mong ước của Julie cũng đã giúp gia đình chúng tôi bớt đau khổ rất nhiều khi đối mặt với cái chết của con”.

Giọng dịu lại, mẹ của Julie nói: “Thầy, bạn bè và các thầy cô khác là một phần quan trọng trong cuộc sống của Julie. Những điều thầy dạy đã ảnh hưởng rất sâu sắc đến con bé , và thầy cũng giúp chúng tôi nhớ rằng tình yêu mình dành cho Julie và tình yêu mà con bé dành cho mọi người vẫn luôn sống mãi đến tận hôm nay!”.

Là một trong những người thầy của Julie, tôi từng nghĩ rằng mình đã đóng góp một phần nhỏ vào việc dạy em cách sống ở đời. Nhưng chính em – và gia đình của em – vẫn đang dạy cho tôi một bài học có ý nghĩa còn lớn lao hơn nữa: Chúng ta phải chết như thế nào.

- *Barbara Russell Chesser*



lectricity was discovered by the ancient Greeks, though it didn't find its way to my in-laws' farm until the summer of 1948.

That's when the truck from the Orange County Rural Electric Cooperative made its way down Grimes Lake Road, planting poles and stringing wire. My mother-in-law, Ruby, sat on her front porch snapping beans while the linemen set the poles. That night she asked her husband, Howard, what he thought of her getting an electric sewing machine. Her treadle sewing machine was broken, the victim of two highspirited boys who had pumped the treadle to an early death.

They drove to Bedford the next day to the Singer Sewing Center and bought a brand-new electric Singer with a buttonholer, a cabinet and a chair. It cost \ \$240, money they'd earned from selling a truckload of hogs to the meatpacking plant in New Solsberry.

Ruby set into sewing for her boys. After supper, when the table was cleared and dishes washed, Ruby would bend over the machine, churning out clothes for her children and her neighbors. Thousands of dresses and shirts and pants. Clothes for dolls. Clothes for the minister's wife in town. Prom dresses. Wedding dresses. The Singer raised its needle millions of times. Her family would fall asleep under Ruby-made quilts, lulled to sleep by the Singer hum.

The kids grew up and moved away. Grandchildren came, eight in all. The Singer stitched maternity clothes, baby dresses, baptismal gowns and quilts for the cribs. In 1987, Ruby called us on the phone, discouraged. After thirty-nine years, her Singer was limping. She took it to Mr. Gardner in the next town. He fixed sewing machines but couldn't revive hers. He sent it away to Chicago. A month later, it came back, a paper tag hanging from its cord: *Obsolete. Parts not available, the tag read.*

I went to a sewing machine store the next day to buy a new one. Her old one was metal. The new machines are plastic and have computers and cost the same as Ruby's first car. They give classes on how to use them. In the display window was a 1948 metal Singer blackhead.

"Does that one work?" I asked the man.

“I don’t know,” he said. “Let’s plug it in.” He plugged it in. It hummed to life.

“It’s not for sale,” he told me. “It’s a display. There aren’t a lot of these old Singer blackheads around anymore.”

I told him about Ruby - how she lives by herself and sews to keep busy, how she charges only six dollars to make a dress because the people she sews for don’t have a lot of money, how a lot of times she doesn’t charge a dime, how sewing is her ministry.

He sold the machine to me for twenty-five dollars.

The next weekend we hauled it down to Ruby’s. She was sitting on the front porch, watching for our car to round the corner on the gravel lane. She came outside and stood by the car as we opened the trunk. As she peered down at the 1948 blackhead, a smile creased her face.

“It’s just like my old one,” she whispered.

We wrestled it inside and installed it in her old cabinet. Perfect fit. Plugged it in. When Ruby heard the hum, she clapped her hands happily.

It’s still going strong. Ruby still charges six dollars a dress - unless it’s a bride’s dress. Then she sews it by hand. That’ll cost you fifteen dollars, but only if you can afford it.

She recently traveled north to visit her granddaughter Rachael. Rachael showed Ruby her Barbie doll, then asked if Ruby could maybe please sew some clothes for Barbie. The first night Ruby was home, she bent over her 1948 blackhead, stitching matching dresses for Rachael and her Barbie. Way past midnight she sewed. The next morning she drove to town and mailed a package northward. Three days later her phone rang. Rachael called to say “Thank you and “I love you” and “When can I see you again?”

On two other occasions, my wife and I found 1948 Singer blackheads in antique stores. We bought them and gave them to Ruby. She’s got a lot of sewing ahead, and we don’t want her to run out of sewing machines before she runs out of things to sew.

I don’t always applaud every new thing that comes down the road, though I’m grateful that in 1948 electricity made its way down Grimes Lake Road. I’m grateful, too, for a woman who sews way into the night, who dispenses love one stitch at a time.

- Philip Gulley

The **great actsof love** are done by those who are **habitually performing small acts of kindness.**

- Source Unknown

Trong từng đường may



Điện đã được phát hiện bởi những người Hy Lạp cổ đại, thế mà mãi đến mùa hè năm 1948 nó mới tìm được đường đến trang trại của cha mẹ vợ tôi. Đó là khi chiếc xe tải của Hợp tác xã Điện lực Nông thôn Quận Cam đến con đường Grimes Lake để trồng cột và kéo dây. Mẹ vợ tôi, bà Ruby, đang ngồi trước hiên nhà để bóc đậu trong lúc những người thợ trồng trụ điện xuống đất. Tối hôm đó, bà hỏi ông Howard -bố vợ tôi, xem ông nghĩ sao nếu bà mua một cái máy may điện. Chiếc máy may đạp chân của bà đã bị hỏng, nó là nạn nhân của hai đứa con trai “thích khám phá” của bà vì chúng đã “khai tử” cái bàn đạp máy may sớm như vậy.

Ngày hôm sau, hai ông bà lái xe đến Trung tâm máy may Singer ở Bedford và mua một chiếc máy may điện hiệu Singer mới toanh, có dụng cụ dùng để thùa khuyết áo, có vỏ bọc và còn có thêm một cái ghế. Giá của nó là 240 đôla, đó là số tiền họ kiếm được từ việc bán cả một xe tải đầy lợn cho một xí nghiệp thịt hộp ở New Solsberry. Bà bắt tay vào việc may đồ cho mấy cậu con trai của mình. Sau bữa ăn tối, khi bàn ăn đã được dọn sạch sẽ và chén đĩa cũng đã rửa xong, bà lại cầm cúi bên chiếc máy may, có may thật nhiều quần áo cho các con và cho những người hàng xóm. Bà đã may hàng ngàn chiếc váy đầm, áo sơ mi và quần đùi. Cả quần áo búp bê, quần áo cho vợ của vị mục sư trong thị trấn, những bộ váy khiêu vũ, và cả những bộ áo cưới. Mũi kim của chiếc máy may hiệu Singer đã nhấc lên xuống cả triệu lần. Cả gia đình thường thiếp đi dưới những chiếc chăn bông do chính tay bà làm, và được ru ngủ bởi tiếng rền rền của chiếc máy Singer.

Bọn trẻ lớn lên và dọn ra ở riêng. Những đứa cháu lần lượt ra đời, có tám đứa tất cả. Chiếc máy may Singer lại may những bộ đồ sản phụ, đồ trẻ em, áo dài dành cho lễ rửa tội và chăn bông cho những chiếc nôi. Đến năm 1987, bà gọi điện cho chúng tôi, giọng hết sức chán nản. Sau ba mươi chín năm, chiếc máy may Singer của bà đã trở nên ỉ ạch. Vì thế bà mang nó đến cho ông Gardner ở thị trấn bên cạnh. Ông ấy đã sửa qua nhiều máy may nhưng không thể phục hồi được chiếc máy của bà. Ông gửi nó đến tận Chicago. Một tháng sau, chiếc máy được gửi trả lại với một mảnh giấy gắn kèm ở sợi dây. Mảnh giấy ghi: *Đã lỗi thời. Không còn bộ phận thay thế.*

Ngày hôm sau, tôi đến một cửa hàng bán máy may để mua một chiếc mới. Chiếc máy cũ của bà được làm bằng kim loại, còn những cái máy mới toàn được làm bằng nhựa và có cả thiết bị điện tử để tính toán và giá thì chỉ ngang với chiếc xe hơi đầu tiên của bà. Họ phân loại chúng theo cách sử dụng. Tại nơi trưng bày còn một chiếc máy Singer đầu đen đời 1948 bằng kim loại.

“Cái này còn chạy không vậy?”, tôi hỏi người bán hàng.

“Tôi không biết nữa”, ông ấy trả lời. “Để tôi thử cắm điện xem sao.” Ông ấy cắm điện. Chiếc máy rền lên như được sống lại.

“Nó không phải để bán đâu”, ông ta bảo tôi. “Nó chỉ để trưng bày thôi. Quanh đây không còn nhiều những cái máy Singer cũ đầu đen như thế này nữa đâu.”

Thế là tôi kể cho ông ấy nghe về mẹ vợ tôi - về cách bà đã tự kiếm sống và bận bịu may vá như thế nào, về việc bà đã lấy công chỉ có sáu đô la cho một chiếc váy chỉ vì những người nhờ bà may đều không có nhiều tiền, về việc bà nhiều lần không lấy một đồng của khách, và rằng bà đã đam mê công việc may vá như thế nào.

Sau cùng, ông ấy đã bán cho tôi chiếc máy với giá hai mươi lăm đô la.

Vào dịp cuối tuần sau đó, chúng tôi chở chiếc máy xuống nhà bà. Bà đang ngồi trước hiên, chăm chú đợi chiếc xe của chúng tôi rẽ qua góc đường đầy sỏi. Bà bước ra và đứng cạnh chiếc xe lúc chúng tôi mở thùng đựng hành lý. Khi nhìn kỹ thấy chiếc máy may đầu đen đời 1948, bà nở một nụ cười khiến khuôn mặt càng lộ ra những nếp nhăn.

“Nó giống hệt cái máy cũ của mẹ”, bà nói nhỏ.

Chúng tôi khiêng cái máy vào nhà và gắn nó vào cái vỏ cũ. Hoàn toàn vừa khít. Chúng tôi cắm điện vào. Khi nghe được tiếng máy kêu, bà đã vỗ tay sung sướng.

Cái máy vẫn còn chạy tốt. Bà vẫn lấy công sáu đô la cho mỗi chiếc váy đầm - trừ khi đó là một chiếc váy cô dâu, vì khi ấy bà phải khâu nó bằng tay. Bạn sẽ phải trả mười lăm đô la cho việc đó, nhưng chỉ khi bạn có khả năng thôi.

Mới đây, bà ra Bắc để thăm đứa cháu gái Rachael của bà. Rachael đã cho bà xem con búp bê Barbie của nó, rồi nhờ bà may vài bộ quần áo cho Barbie. Ngay đêm đầu tiên trở về nhà, bà đã cắm cúi bên chiếc máy đầu đen đời 1948 của mình để may những chiếc áo đầm cho Rachael và cho búp bê của con bé. Bà may đến tận khuya. Sáng hôm sau, bà lái xe

xuống phố và gửi một gói hàng ra Bắc. Ba ngày sau, chuông điện thoại nhà bà reo vang. Rachael gọi điện cho bà chỉ để nói: “Cháu cảm ơn bà”, “Cháu yêu bà lắm” và “Chùng nào cháu mới được gặp lại bà?”.

Trong hai lần khác, tôi và vợ cũng tìm thấy những chiếc máy may Singer đầu đen đời 1948 ở các cửa hàng đồ cổ. Chúng tôi đã mua chúng và chuyển đến cho mẹ. Bà còn phải may rất nhiều thứ, và chúng tôi không muốn bà không có máy để dùng trước khi bà không còn đồ để may.

Không phải lúc nào tôi cũng hoan nghênh mọi thứ mới mẻ xuất hiện trên đường, dù vậy tôi vẫn biết ơn việc nguồn điện đã tìm đến con đường Grimes Lake vào năm 1948. Tôi cũng biết ơn người đàn bà đã ngồi may trong đêm khuya, người đã gửi gắm tình yêu của mình trong từng đường may.

- Philip Gulley

Những **cử chỉ yêu thương cao quý** được thực hiện bởi những người có **thói quen làm** những **việc tốt nho nhỏ**.

- Khuyết danh



s a child growing up in the Ozark Mountains of Missouri in the 1930s, I didn't know we were poor - in fact, at the age of four, I really didn't know what poor was. But I did know I was getting tired of eating oatmeal and being cold.

One day we heard a sharp, loud knock at the door. I clung to my mother's skirt as she opened the door to what appeared to be a giant in overalls. His face was weather-worn, and his hair was long and poorly cut. His eyes were sharp.

"You're Leonard Presson's woman?" It was more a demand for information than a question.

"Yes," Mother's voice was shallow and frightened. "But he's off hunting".

The giant turned and waved to two boys in a wagon pulled close to the door. "Well we know y'all didn't get home from out West soon enough to put in a crop, so we brought you food to tide you over."

While he talked, the boys unloaded sacks of flour, grain, sugar, canned food of several varieties and smoked meat. Mother picked me up and stood against the wall. "We can't pay..." she began.

"You've been gone a long time, Mrs. Eva." His stern face softened. "These are bad times - people coming home 'cause they lost everything in the crash." He waved the boys back to the now-empty wagon. "Be sure you're in church come Sunday." He swung into the wagon and picked up the reins. "You'll be helping feed others next winter." Something resembling a smile split his somber face. "We help people take care of our own."

That night we feasted, and on Sunday we were in church. My parents were greeted warmly by people I was yet to know.

Winter passed, and in the spring the hills and valleys that made up my world came alive with the promise of new life. Crops were planted and carefully tended. All summer we canned and preserved fruits and vegetables. The fall harvest was more than abundant.

On a bleak December day that was my fifth birthday, my father and

two brothers loaded our wagon, and we all climbed up and drove to what had been an abandoned house across the valley. I sat bundled in blankets next to Mother. "This is the most important birthday present you will ever get," she whispered. "I pray one day you'll remember it."

From my vantage high on the wagon seat, I watched my own father and brothers reenact the same scenario that I had seen a year earlier. I wanted to jump down and run to the children I watched clinging to their own mother's skirts as I had done. That night in my prayer, I had a feeling of warmth; for what reason I did not know. But in my heart I could see those children, and I knew they slept well - and so did I.

Time passed slowly for a little girl growing up in the hills of southern Missouri in the early 1930s. As I grew older, I helped prepare the food that was taken by wagon to families who had come home to escape the paralyzing hardship of the Depression. I even met the "giant" who had come to our door that cold winter day. He was the father of the girl who was to become "my very best friend." Even after we grew up and left the mountains to make our lives in the city, we corresponded and often met at family reunions in the Ozarks.

My mother was right. On my fifth birthday I received the most important birthday present ever. I've never forgotten the kindness and generosity of the simple but profound people who believed that they were indeed their brother's keeper.

Mother's prayer has also been answered - many times. For the past six decades, no matter where or how I celebrate each December 4, my birthday theme has been that act of kindness I witnessed on my fifth birthday. It has truly been a birthday remembered.

- Elizabeth Leopard

A best way to **repay** a **kindness** shown is to **pass it on.**

- Martha Kinney

Sinh nhật đáng nhớ



Là một đứa trẻ sinh trưởng ở vùng núi Ozark thuộc bang Missouri vào thập niên 1930, tôi đã không biết rằng gia đình mình nghèo – thật vậy, mới 4 tuổi, tôi thật sự không biết thế nào là nghèo. Nhưng tôi biết rõ ràng rằng mình đã phát chán vì cứ phải ăn cháo bột yến mạch và cứ phải chịu những cơn lạnh cóng người.

Một ngày nọ, chúng tôi nghe thấy một tiếng gõ cửa lớn và dứt khoát. Tôi bám lấy váy mẹ khi mẹ ra mở cửa cho một người trông giống như một gã khổng lồ trong bộ quần áo rộng thùng thình. Khuôn mặt ông ấy sạm đen vì nắng gió còn mái tóc thì dài và lại được cắt tỉa nham nhở. Ánh mắt của ông trông khá sắc bén.

“Bà là vợ của Leonard Presson?” Đó gần như là một lời đề nghị xác nhận thông tin hơn là một câu hỏi.

“Vâng”, giọng mẹ lạc đi và đầy hoảng sợ. “Nhưng chồng tôi đi săn rồi.”

Gã khổng lồ quay lại và vẫy hai đứa bé trai đang ngồi trong chiếc xe ngựa đỗ ngay sát cửa. “Vâng, chúng tôi biết gia đình bà từ miền Tây xa xôi trở về đã không kịp trồng vụ mùa, nên chúng tôi mang thức ăn đến để giúp nhà ta vượt qua lúc này.”

Trong khi ông nói thì hai đứa bé trai dỡ xuống những bao tải bột mì, ngũ cốc, đường, nhiều loại đồ hộp và thịt hun khói. Mẹ bế tôi lên và đứng dựa vào tường. “Chúng tôi không thể trả tiền...”, mẹ mở lời.

“Bà Eva, bà đã ra đi trong một thời gian dài.” Khuôn mặt nghiêm nghị của ông giãn ra. “Đây là thời kỳ khó khăn – mọi người trở về nhà bởi vì họ đã mất hết mọi thứ do phá sản.” Ông lại vẫy tay ra hiệu cho hai đứa trẻ quay trở lại chiếc xe ngựa giờ đã trống rỗng. “Gia đình nhớ hãy đến nhà thờ vào Chủ nhật tới nhé.” Nói rồi ông nhảy lên xe ngựa và nắm lấy dây cương. “Mùa đông tới, bà sẽ giúp mang lại lương thực cho những người khác nhé.” Có cái gì đó giống như một nụ cười đã xưa tan đi về ngoài u sầu của ông ấy. “Chúng tôi giúp mọi người biết tự chăm sóc bản thân mình.”

Tối hôm đó, chúng tôi đã mở tiệc, và chúng tôi cũng đã đến nhà thờ

vào ngày Chủ nhật. Cha mẹ tôi đã được chào đón nồng nhiệt bởi những người mà tôi chưa hề được biết.

Đông qua, và khi xuân đến, những ngọn đồi và thung lũng tạo nên thế giới riêng của tôi đã sinh động trở lại cùng với những hứa hẹn cho một cuộc sống mới. Mùa màng đã được gieo trồng và chăm nom cẩn thận. Trong suốt mùa hè, chúng tôi đóng hộp để bảo quản trái cây và rau xanh. Một vụ mùa bội thu.

Một ngày giá lạnh tháng 12, cũng là sinh nhật lần thứ năm của tôi, cha và hai anh của tôi chất thức ăn đầy xe ngựa và cả gia đình chúng tôi cùng leo lên rồi đánh xe tới một ngôi nhà đã bị bỏ hoang ở bên kia thung lũng. Tôi thu mình vào trong chăn và ngồi bên cạnh mẹ. “Đây là món quà sinh nhật quan trọng nhất đối với con”, mẹ thì thầm. “Mẹ mong rằng mai kia con sẽ nhớ nó”.

Từ chỗ ngồi thuận lợi trên cao của xe ngựa, tôi nhìn thấy cha và các anh đang lập lại đúng cảnh mà tôi đã từng được chứng kiến một năm về trước. Tôi muốn nhảy xuống và chạy ngay tới chỗ những đứa trẻ như tôi trước đây, đang níu lấy váy mẹ của mình. Đêm đó, khi cầu nguyện, tôi đã có một cảm giác thật ám áp, vì lí do gì tôi cũng không biết nữa. Nhưng từ trong tim mình, tôi có thể thấy những đứa trẻ đó, tôi biết rằng chúng sẽ ngủ ngon - và tôi cũng vậy.

Thời gian cứ chậm chậm trôi qua đối với một bé gái sinh trưởng vào những năm đầu thập niên 1930 ở vùng đồi núi phía nam Missouri. Khi lớn hơn, tôi cũng đã giúp mọi người chuẩn bị phần lương thực sẽ được xe ngựa chuyển tới những gia đình đã trở về nhà để tránh sự tê liệt của cuộc khủng hoảng kinh tế. Tôi còn được gặp lại “người khổng lồ”, người đã đến nhà chúng tôi vào ngày mùa đông rét mướt đó. Ông ấy chính là cha của một cô bé mà sau này đã trở thành “người bạn thân nhất của tôi”. Thậm chí khi chúng tôi trưởng thành và rời vùng núi ấy để tạo dựng cuộc sống ở chốn thị thành, chúng tôi vẫn trao đổi thư từ và thường gặp nhau tại những buổi họp mặt gia đình ở quê nhà Ozarks.

Mẹ tôi đã nói đúng. Vào sinh nhật lần thứ 5 của mình, tôi đã nhận được một món quà quan trọng nhất trong đời. Tôi không bao giờ quên được lòng tốt cũng như sự hào phóng của những con người giản dị nhưng sâu sắc, những người đã tin rằng họ thực sự là người phải giúp đỡ những người anh em của mình.

Nguyện ước của mẹ tôi đã nhiều lần được đáp lại. Trong suốt sáu mươi năm qua, dù kỷ niệm ngày 4 tháng 12 ở bất cứ nơi đâu và như thế nào đi chăng nữa thì chủ đề trong ngày sinh nhật của tôi vẫn là hành động tử tế mà tôi đã chứng kiến trong sinh nhật lần thứ 5 của mình. Nó

thật sự là một sinh nhật đáng nhớ.

- Elizabeth Leopard

Cách tốt nhất để **đáp lại lòng tốt** là hãy **tử tế** với
những **người khác**.

- Martha Kinney



ox River gave life to the country town of Colby Point, for the road and the river ran alongside one another. Colby Point was really the name of a road that crept between the hills and valleys of McHenry, Illinois. Homes were scattered here and there - mostly summer homes and retirement homes. At the very end of the road three houses all faced one another. Three sisters - all single, all seniors - lived in one of the homes. Across the way their widowed first cousin lived in a yellow house. Next to her lived their brother, Bill, and his wife, Cleo.

Cleo had multiple sclerosis, so the pair had moved to Colby Point seeking a quiet, relaxed life. Little did they know when they relocated to this serene area that they would end up rearing their granddaughter, Margie. Before long, the once-quiet neighborhood became active with the sounds of a child.

Margie always looked forward to the arrival of Christmas, and this year was no different as winter began to settle like a warm blanket around Colby Point. Everyone was in a flurry, for at the church Margie and her family attended, the congregation was preparing to share their Christmas wishes with each other. Since Cleo couldn't make it to church, and Bill didn't like to leave her alone for too long, he was in the habit of dropping Margie off at church early on Sunday mornings; the aunts would bring her home.

As Margie sat in church that morning, she rehearsed in her mind over and over what she would say. She wasn't afraid, for she knew what an important wish this was. The service seemed to drag on and on. Finally the pastor uttered the words Margie had been anticipating all morning, "This is a special time of year when everyone around the world celebrates peace toward our fellow man. This year, here at St. John's, we want to hear your Christmas wishes. We cannot fill everyone's wish, but we would like to try and fill a few. As I call your name, please come forward and tell us about your Christmas wish."

One after another, the church members shared their wishes, large and small. Margie was the last and the youngest to speak. As she looked out at the congregation, she spoke confidently, "I would like for my grandma to have church. She cannot walk, and she and my

grandpa have to stay at home. They miss coming so much. So that is what I wish for. And please don't tell them, for it needs to be a surprise."

Riding home with her aunts, Margie could tell they were speaking in low tones about her wish. She hoped that they would keep her secret. As the next Sunday came around, Margie was getting ready for church when Grandma asked, "Why are you so fidgety? You haven't sat still all morning."

"I just know that something wonderful is going to happen today!"

"Of course it will," said her grandma with a chuckle. "It's Christmas, you know."

Grandpa was getting on his coat when he happened to look out the front window. He saw some cars coming down the dirt road one after another. Now at this time of year there wasn't too much traffic, so this was really amazing. Margie pushed her grandma to the window so that she could see all the cars. Pretty soon the cars were parked all up and down the road as far as a person could see.

Grandpa looked at Grandma, and they both looked at Margie. Grandpa asked, "Just what did you wish for, Margie?"

"I wished that you and Grandma could have church. And I just knew that it would come true. Look! There's the pastor, and everyone from church is coming up the walk."

The congregation arrived with coffee and cookies and cups and gifts. They sang Christmas carols and listened to the pastor speak on giving to others the gifts that God gives. Later that night, Margie slipped out the back door and walked outside to look up at the stars. "Thank you," she whispered, "thank you for giving me my wish."

That was just one of the many wishes granted for Margie. Her childhood overflowed with the love of her grandparents, four great aunts and many wise, caring neighbors. Margie was truly a blessed little girl.

I should know - I was that little girl.

- Margaret E. Mack

The capacity to **care** is the thing that **gives life** its **deepest meaning** and **significance**.

Chỉ một điều ước



Con sông Fox đã mang lại sinh khí cho vùng quê Colby Point, vì con đường và dòng sông cùng chạy song song với nhau. Colby Point thực chất là tên của con đường chạy giữa những ngọn đồi và thung lũng McHenry, bang Illinois. Nhà cửa được xây rải rác đó đây - chủ yếu là nhà nghỉ mát và nhà dành cho người đã nghỉ hưu. Ở ngay cuối con đường là ba ngôi nhà đối mặt vào nhau. Ba chị em - tất cả đều độc thân và đã lớn tuổi - cùng sống ở một trong ba ngôi nhà đó. Phía bên kia đường là ngôi nhà màu vàng của cô em họ đã góa chồng. Cạnh nhà cô này là nhà của người anh trai của họ, ông Bill, cùng vợ của ông là bà Cleo.

Bà Cleo mắc bệnh đa xơ cứng, nên hai vợ chồng đã chuyển đến Colby Point để tìm kiếm một cuộc sống yên tĩnh, thoải mái. Ở đây, họ hầu như không cần phải luôn đề mắt đến đứa cháu ngoại Margie như trước - một điều mà chính họ cũng không nghĩ tới khi chuyển đến vùng quê thanh bình này. Chẳng bao lâu sau, vùng quê một thời yên tĩnh nay đã trở nên huyên náo bởi những thanh âm của một đứa trẻ.

Margie luôn háo hức mong chờ đến ngày Giáng sinh, và năm ấy cũng không phải là ngoại lệ khi mùa đông bắt đầu dịu dần giống như một tấm chăn ấm áp phủ xuống Colby Point. Mọi người đang xôn xao vì tại nhà thờ mà Margie và gia đình của cô bé thường đi lễ, giáo đoàn đang chuẩn bị cho họ chia sẻ những điều ước Giáng sinh với nhau. Từ khi bà Cleo không thể đi đến nhà thờ, và ông Bill thì lại không muốn để bà ở nhà một mình quá lâu, ông thường đưa Margie đến nhà thờ vào sáng sớm Chủ nhật; mấy người dì sẽ đưa cô bé về nhà.

Sáng hôm đó, lúc ngồi trong nhà thờ, Margie đã nhắm đi nhắm lại trong đầu xem mình sẽ nói gì. Cô bé không lo sợ gì cả, vì cô bé biết điều ước này quan trọng như thế nào. Buổi lễ dường như cứ kéo dài lê thê. Cuối cùng thì vị mục sư cũng nói những lời mà Margie đã mong chờ suốt cả buổi sáng: “Đây là giờ phút đặc biệt trong năm khi mà mọi người ở khắp nơi trên thế giới cùng chúc cho hòa bình đến với những người bạn của chúng ta. Năm nay, trước mặt Thánh John, chúng tôi muốn nghe những điều ước cho ngày Giáng sinh của các bạn. Chúng tôi không thể đáp ứng điều ước của tất cả mọi người, nhưng chúng tôi sẽ cố gắng và thực hiện một vài điều. Khi tôi gọi tên của ai, vui lòng tiến lên đây và nói cho chúng tôi nghe điều ước trong ngày Giáng sinh của bạn.”

Những người trong nhà thờ lần lượt chia sẻ những mơ ước lớn lao cũng như bình dị của mình. Margie là người cuối cùng và cũng là người bé nhất được phát biểu. Nhìn về phía giáo đoàn, cô bé nói một cách tự tin: “Cháu ước sao bà cháu được đến nhà thờ. Bà không đi được, nên bà và ông phải ở nhà. Ông bà muốn đi nhà thờ lắm. Vì vậy, đó là điều cháu ao ước. Và xin đừng nói cho ông bà cháu biết, vì cháu muốn đó là một điều bất ngờ”.

Trên đường về nhà cùng các dì, Margie xin các dì khẽ giọng khi nói về điều ước của cô bé. Cô bé hi vọng là các dì sẽ giữ bí mật này cho mình. Đến ngày Chủ nhật tiếp theo, khi Margie chuẩn bị đi nhà thờ thì bà hỏi: “Sao trông cháu có vẻ bồn chồn vậy? Suốt cả buổi sáng cháu cứ đứng ngồi không yên.”

“Cháu chỉ biết là có một điều kì diệu sẽ xảy ra vào ngày hôm nay!”

“Dĩ nhiên là có rồi”, bà thăm cười và nói. “Cháu biết đấy, hôm nay là Giáng sinh mà.”

Ông đang mặc áo khoác thì tình cờ nhìn ra cửa sổ trước nhà. Ông thấy mấy chiếc xe hơi đang nối đuôi nhau chạy vào con đường đất. Mọi năm vào thời điểm này đâu có nhiều xe đến thế, cho nên đây quả là một điều kì lạ. Margie dìu bà về phía cửa sổ để bà có thể nhìn thấy tất cả những chiếc xe. Chỉ một lúc sau những chiếc xe ấy đã đậu dọc theo con đường đến xa hút cả tầm mắt.

Ông quay sang nhìn bà, rồi cả hai cùng nhìn Margie. Ông hỏi: “Cháu đã ước điều gì thế, Margie?”.

“Cháu ước là ông và bà có thể đi đến nhà thờ. Và cháu biết rằng nó sẽ trở thành sự thật. Ông nhìn kia! Mục sư và mọi người trong nhà thờ đang đi về phía chúng ta”.

Giáo đoàn đến còn mang theo cà phê, bánh kẹo, tách chén và quà. Họ cùng hát vang bài ca Giáng sinh và lắng nghe vị mục sư giảng giải về ý nghĩa của việc trao tặng mọi người những món quà mà Chúa đã ban tặng. Khuya hôm đó, Margie lên ra cửa sau và bước ra ngoài ngược nhìn lên những vì sao. Cô bé thì thầm: “Cám ơn. Cám ơn ngài đã thực hiện điều ước của con.”

Đó chỉ là một trong rất nhiều điều ước mà Margie đã được ban tặng. Tuổi thơ của cô bé ngập tràn tình yêu thương của ông bà, của bốn người dì và của rất nhiều người hàng xóm từng trải và chu đáo. Margie thực sự là một cô bé rất hạnh phúc.

Và bạn biết không – tôi chính là cô bé đó.

- Margaret E. Mack

Sự quan tâm lẫn nhau là điều sẽ **trao** cho
cuộc sống tầm quan trọng và **ý nghĩa** sâu
xa **nhất** của nó .

- Pablo Casals



Betty Olsen was just settling down to enjoy the golden years with her husband. The last of their five children was about to leave home. So, the couple had plans to travel. But then after thirtythree years of marriage, he sprung a little surprise on her. "I'm leaving," he announced. He had found someone else, twelve years younger.

The pain rattled her entire soul and body. Life seemed over, at least the life she had known for the last three decades.

"Starting over at age fifty-five won't be easy," Betty said. But she decided it would do her no good to feel sorry for herself. So she got busy. She joined a speaking program, became a volunteer at the American Cancer Society and trained as a docent at a local art museum. She played bridge and tennis, worked at the local blood bank, and got certified as a nurse.

But no matter how busy Betty kept, her heart remained cold and lonely. Nothing really captured her spirit. Then one day, two friends asked her to go on a bike ride. Not just any bike ride, but a century ride - a sixty-four-mile journey up and down the hills of Gilroy, California.

The couple didn't tell Betty, then sixty, the distance of the ride. "Or I would never have gone," she laughs. Betty had poked around town on a bike before, but that was about it.

The threesome hit the road together with a pack of other riders. As Betty huffed and puffed up the hill, she couldn't believe the breathtaking beauty of the country side - the sage thickets, the velvet green colors of the brush... Nothing compared to experiencing the wildflowers, the sweet, dank smell of woods, even people's front yards. That's when Betty became enraptured with biking. She had determined when her marriage came crashing down that she was going to find new frontiers, new worlds to explore, new dreams to dream. She exclaimed, "Life really begins at sixty!"

The enthusiastic novice joined two bike clubs and started to travel everywhere by bicycle. First, she biked one hundred miles in the Inland Passage of Alaska where she saw bear footprints and golden eagles in flight, and watched cruise ships from a mountaintop. The next sum

mer she traveled to New Zealand. But these rides weren't enough for Betty. She wanted to try something more challenging. Like biking twenty-five hundred miles or so.

Her first long-distance undertaking was a cross-country ride from San Diego to Jacksonville, Florida. That was an eighty-mile-a-day, five-week trip. Her children were terrified, and her sister told her, "Don't do that. It's too strenuous."

Betty admits, "I, too, was uncertain I could make it!"

But nothing could stop Betty, and she had no regrets when she found herself amid towering pine trees and fields of bluebonnet lupines. "I had never seen anything like it in my life!" she observed. In addition to the awesome sights, Betty loved stretching her limits and discovering new sources of inner strength. Invigorated, she convinced her forty-three-year-old son to tag along with her on some of her shorter rides, like the fifty-mile Tierra Bella.

Now seventy-three-years young, Betty has completed a total of three crosscountry trips, biked through forty-seven states, and visited thirteen national parks. She estimates she's done a total of seventy thousand miles on her bike since she started these great adventures.

Betty has made dozens of biking friends, and has been asked to remarry twice. "I turned both gentlemen down," she says, "because they weren't into biking or hiking." Betty thinks she needs someone a bit more on the active side.

Her riding spirit and intense journeys - which include a trip from San Francisco to Washington, D.C., and from Washington to Maine - have captured the interest of many journalists who have written her story a half-dozen times. "I find it's an exhilarating fatigue," she said. "I feel so healthy. I'm in better shape than I've ever been. It's been a cure for loneliness. I have many friends. It's not too strenuous. When you travel, you have no work, no shopping, no cooking, no meetings and no housework. And I'd like to get to know more of the history of our country." Biking obviously is also helping Betty get to know herself better.

This paragon of health - physical and mental - has seen sights other people never see in their lifetimes. Once when touring in Yellowstone, with all the bikers riding single file, a herd of buffalo joined them across the river trotting single file, too. In Costa Rica, she came eyeball to eyeball with a monkey swinging through the trees right toward her. One summer, she saw swarms of stunning butterflies in the Ozarks.

These magnificent experiences are why Betty probably didn't quit bike riding even after she got shot in the Napa Valley. She was at the very end of a bike line when a teenager shot her with a pellet gun. She was hospitalized for two nights, but doctors concluded that removing the pellet was too dangerous and decided to leave it where it was.

Within two weeks, this gallant lady -pellet intact - was back on her bike, cruising the Eastern Sierras. She had learned not to let a little detour stop her from exploring her newfound world. "Biking is so fulfilling," she explains. "I just don't have enough time to do all I'd like to do. I'd like to get to the garden, for example, but the weeds get there faster. I really love being with my children and my family, but I think biking adds a new chapter in my life."

"When I rode the Oregon Trail, the Santa Fe Trail and the Natchez Trail, I felt like the pioneers." She enthusiastically adds, "I hope my newfound discoveries will rub off on the rest of my family."

Who knows? Maybe some of her family members are ready to embark on new journeys to broaden their horizons. Two of her teenage grandsons are joining her in the Tierra Bella, and her young grand daughters were at her house the other day when they said excitedly, "Grandma, let's go for a long bike ride."

Betty hoisted her grandchildren, one onto a tricycle and the other onto a two-seat banana bike. She hopped onto her bicycle, and together they rode an entire five blocks before the kids were exhausted. They enjoyed the exhilaration of a short journey that may well be their first taste of what it is like to embark on life-expanding expeditions - just like Grandma.

- Diana L. Chapman

Woody McKay Jr.

Life is like a bicycle. You don't fall off unless you stop pedaling.

- Claude Pepper
U.S. Congressman

Chuyến đi dài ngày



Betty Olsen đang yên ỗn tận hưởng những năm tháng hạnh phúc cùng chồng của mình. Đứa cuối cùng trong năm đứa con của họ chuẩn bị dọn ra sống riêng, vì vậy vợ chồng họ dự tính đi du lịch. Thế nhưng sau 33 năm chung sống, chồng bà đã khiến bà khá ngạc nhiên. Ông báo với bà: “Tôi sẽ ra đi”. Ông đã tìm đến một phụ nữ khác, trẻ hơn ông đến 12 tuổi.

Nỗi đau ấy xé nát cả tâm hồn lẫn thể xác bà. Với bà, cuộc sống dường như đã chấm dứt – ít nhất đó cũng là cuộc sống đã quen thuộc với bà trong suốt ba thập kỷ qua.

Betty nói: “Bắt đầu lại mọi thứ ở độ tuổi năm mươi lăm quả thật không phải là chuyện đơn giản”. Nhưng rồi bà hiểu rằng nếu cứ ngồi tiếc thương cho bản thân thì cũng chẳng ích gì. Vì thế bà bắt đầu lao vào công việc. Bà tham gia vào chương trình diễn thuyết, trở thành tình nguyện viên của Hội những bệnh nhân ung thư của Mỹ và giảng dạy tại viện bảo tàng mỹ thuật ở địa phương với tư cách như một giáo sư. Bà chơi bài Brit, đánh quần vợt, làm việc tại ngân hàng máu ở địa phương và được công nhận như một y tá.

Nhưng cho dù Betty có bận rộn thế nào đi chăng nữa thì lòng bà vẫn còn nguội lạnh và cô đơn. Không có gì thật sự thu hút tâm trí bà. Thế rồi một ngày kia, có hai người bạn đến rủ bà cùng tham gia một chuyến đi xe đạp. Nhưng đó không phải là một chuyến đi xe đạp bình thường, mà là một chuyến đạp xe tập thể – một cuộc hành trình dài sáu mươi bốn dặm băng đèo Gilroy, bang California.

Hai người bạn đó đã không cho Betty – lúc đó đã 60 tuổi – biết trước quãng đường của chuyến đi là bao xa. Bà cười lớn: “Nếu biết trước thì tôi chẳng bao giờ đi theo họ”. Trước đây, Betty đã từng đạp xe vòng vòng trong thị trấn, song chỉ loanh quanh gần đó thôi.

Ba người bạn hăng hái lên đường cùng với những thành viên khác của đoàn. Khi Betty thở hắt lên đạp lên đò, bà không thể tin được rằng phong cảnh thôn quê lại đẹp đến thế – nào là những lùm cây ngải đắng, nào là vô số bụi cây xanh mượt như nhung... Không gì có thể so sánh được với cảm giác khi được ngắm những đóa hoa dại bên đường, được ngửi thấy hương thơm ngọt dịu, ẩm ướt của núi rừng, cả khoảnh khắc trước nhà của người dân nữa. Đó chính là lúc Betty cảm thấy chuyến đi

thực sự cuốn hút mình. Khi cuộc hôn nhân đổ vỡ, bà quyết tâm sẽ tìm đến những chân trời mới, những thế giới mới để khám phá, và những ước mơ mới để mơ ước. Bà bộc bạch: “Cuộc sống thực sự bắt đầu khi tôi bước vào độ tuổi sáu mươi!”.

Thành viên mới đầy nhiệt tình này đã gia nhập hai câu lạc bộ xe đạp và bắt đầu rong ruổi khắp nơi trên yên xe. Lúc đầu, bà đạp xe khoảng một trăm dặm ở vùng Inland Passage -bang Alaska, nơi bà được tận mắt nhìn thấy những dấu chân gấu in trên mặt đất, được ngắm những con chim ưng vàng bay lượn trên không trung, và ngắm nhìn những chuyến tàu tuần tra từ trên đỉnh núi cao chót vót. Mùa hè kế tiếp thì bà du lịch đến New Zealand. Nhưng đối với Betty thì những chuyến đi ấy vẫn chưa đủ. Bà muốn thử sức trong những chuyến đi nhiều thách thức hơn – chẳng hạn như đạp xe băng đoạn đường dài hai ngàn năm trăm dặm hoặc hơn thế.

Chuyến đi đường trường đầu tiên của bà là chuyến đi bằng đồng từ San Diego đến Jacksonville, bang Florida. Đó là một chuyến đi kéo dài năm tuần, mỗi ngày bà phải đạp xe tám mươi dặm. Các con của bà đều rất lo sợ, còn cô em gái thì khuyên: “Chị đừng tham gia. Nguy hiểm lắm”.

Betty thú thật: “Chị cũng không chắc mình có thể thực hiện nổi không”.

Nhưng không gì có thể ngăn cản Betty, và bà chẳng hề hối tiếc khi thấy mình đang ở giữa những ngọn thông cao vút và những cánh đồng đầy đậu lupin xanh rờn. Bà nhận xét: “Tôi chưa từng được thấy điều gì tương tự như vậy cả!”. Chẳng những muốn được tận hưởng những thắng cảnh của thiên nhiên, Betty còn muốn mở rộng những giới hạn của bản thân và khám phá nguồn sức mạnh nội tại chưa được biết đến. Cảm thấy phấn khởi nên bà đã thuyết phục cậu con trai 43 tuổi của mình cùng tham gia vào những chuyến đi ngắn hơn, chẳng hạn như chuyến đi đến Tierra Bella dài 50 dặm.

Giờ đây, ở độ tuổi bảy mươi ba nhưng vẫn chưa phải là già, Betty đã thực hiện được tổng cộng ba chuyến đạp xe băng đồng, đã qua bốn mươi bảy tiểu bang, đến thăm mười ba khu công viên quốc gia. Bà nhẩm tính mình đã đi được hơn bảy mươi ngàn dặm trên yên xe kể từ lúc bắt đầu các chuyến phiêu lưu mạo hiểm tuyệt vời này.

Betty đã làm quen với rất nhiều người bạn có chung sở thích đi xe đạp, bà cũng đã hai lần nhận được lời đề nghị tái hôn. Bà nói: “Tôi từ chối cả hai người vì họ không có sở thích đạp xe hay đi bộ như tôi”. Betty nghĩ bà thích người nào năng động một chút.

Niềm đam mê đạp xe cùng những cuộc hành trình gian khó của bà – kể cả chuyến đi từ San Francisco đến Washington, D.C và từ Washington đến Maine - đã gây sự chú ý cho giới báo chí - những người đã viết hàng chục bài báo về bà. Bà nói: “Tôi cảm thấy mệt, nhưng lại rất phấn khởi. Tôi thấy khỏe khoắn hẳn lên. Vóc dáng của tôi cũng trở nên thon gọn nhất từ trước đến nay. Đó còn là phương thuốc trị bệnh cô đơn nữa. Tôi có rất nhiều bạn bè. Và việc đạp xe cũng không quá vất vả. Khi thực hiện những chuyến đi như thế thì bạn không phải đi làm, không phải đi chợ, không nấu nướng, không phải hội họp cũng không bận rộn việc nhà. Và tôi còn muốn hiểu thêm về lịch sử đất nước của mình nữa”. Rõ ràng thú đạp xe còn giúp cho Betty hiểu rõ bản thân mình hơn

Người phụ nữ mẫu mực này – một người khỏe mạnh cả về thể xác lẫn tinh thần – đã được chứng kiến những cảnh tượng mà có thể những người khác chưa từng được thấy trong đời. Một lần nọ, khi đạp xe thành một hàng dọc quanh khu Yellowstone cùng với vài người bạn khác thì một đàn trâu cũng tham gia xếp thành một hàng dọc theo họ băng qua sông. Tại Costa Rica, bà đã tận mắt thấy một chú khỉ đu từ cây này sang cây khác rồi hướng thẳng về phía mình. Rồi vào một kỳ hè nọ, bà được ngắm cả một đàn bướm rực rỡ bay lượn ở vùng Ozarks.

Những trải nghiệm tuyệt diệu này là lý do khiến Betty hầu như không thể từ bỏ việc tham gia các chuyến đi bằng xe đạp, thậm chí ngay cả sau khi bà bị trúng đạn tại thung lũng Napa. Lúc bà đang đạp xe ở tóp cuối cùng thì một cậu bé đã bắn trúng vào bà bằng một cây súng hơi. Bà phải nằm viện mất hai đêm, nhưng các bác sĩ kết luận rằng nếu gắp viên đạn ra thì sẽ rất nguy hiểm nên họ quyết định cứ để nguyên ở đó.

Chỉ hai tuần sau, người phụ nữ dũng cảm này – dù vẫn còn mang viên đạn trong người – lại lên xe đi tham quan vùng phía Đông Sierras. Bà đã học được cách không để cho khúc quanh nhỏ đó ngăn cản mình tiếp tục thám hiểm một thế giới mới vừa được khám phá. Bà giải thích: “Đạp xe quả thật rất thú vị. Tôi chỉ không có đủ thời gian để làm tất cả những gì mình thích. Chẳng hạn như tôi thích làm vườn, nhưng cỏ dại mọc còn nhanh hơn sức tôi. Tôi cũng thật sự rất muốn ở bên con cái và gia đình mình, nhưng tôi nghĩ việc đạp xe đã mở ra một chương mới trong cuộc đời tôi”.

“Khi đạp xe qua đường mòn Oregon, Santa Fe và Natchez, tôi thấy mình thật giống với những nhà thám hiểm.” Bà sôi nổi nói thêm: “Hy vọng những khám phá mới của tôi sẽ giúp xóa bớt định kiến của mọi người trong gia đình tôi”.

Ai mà biết được? Có thể một số thành viên trong gia đình bà đã sẵn

sàng tham gia vào những cuộc hành trình mới để mở rộng phạm vi hiểu biết của mình. Hai cậu cháu trai sẽ cùng bà tham gia chuyến đi sắp tới tại Tierra Bella, còn mấy đứa cháu gái lúc đến thăm bà đã hằng hái đề nghị: “Bà ơi, bà cháu mình đạp xe đi chơi đi bà”.

Betty đỡ mấy đứa cháu của mình lên, đặt một đứa lên chiếc xe ba bánh, một đứa lên chiếc xe có hai chỗ ngồi hình trái chuối. Còn bà thì nhảy lên chiếc đạp của mình, rồi cả ba bà cháu đạp xe qua khắp năm dãy phố cho đến khi hai đứa nhóc mệt nhoài. Chúng đã rất phấn khởi khi thực hiện cuộc hành trình ngắn ngủi đó, cuộc hành trình mà có thể là trải nghiệm đầu tiên trước khi chúng tham gia vào những cuộc thám hiểm mở rộng biên giới của cuộc đời mình – giống như người bà của chúng vậy.

- Diana L. Chapman

Woody McKay Jr.

Cuộc sống tựa như việc đi xe đạp, bạn sẽ không ngã trừ phi bạn ngừng chân.

- Claude Pepper

Dân biểu Mỹ

ack Canfield là một diễn thuyết gia nổi tiếng người Mỹ, tốt nghiệp Đại học Harvard, nhận bằng cao học của Đại học Massachusetts và học vị tiến sĩ của Đại học Santa Monica. Với kiến thức sâu rộng, cách nói chuyện thuyết phục và lôi cuốn, ông đã giúp rất nhiều người khám phá sức mạnh bản thân để theo đuổi và thực hiện ước mơ của mình. Trong suốt 25 năm qua, ông đã thực hiện nhiều buổi nói chuyện với những tập đoàn lớn như: Virgin Records, Sony Pictures, Merrill Lynch, Federal Express, Sonic Burger, Income Builders International...

ark Victor Hansen cũng là một diễn thuyết gia rất tâm huyết. Ông đã thực hiện hơn 4 ngàn buổi nói chuyện cho hơn 2 triệu thính giả ở 32 quốc gia về những đề tài liên quan đến cuộc sống, tìm kiếm sức mạnh tinh thần và phát triển nội tâm, chiến lược kinh doanh và hiệu quả trong công việc. Ông nhiều lần được mời nói chuyện trên các đài truyền hình và phát thanh nổi tiếng như: ABC, CBS, PBS, CNN... và hiện đang là một trong những nhân vật được khán thính giả yêu thích nhất.

SỰ RA ĐỜI CỦA “**CHICKEN SOUP FOR THE SOUL**”:

Trong những buổi diễn thuyết của mình, Jack Canfield và Mark Victor Hansen thường tiếp cận với thính giả bằng những câu chuyện có thật, xúc động và ý nghĩa, có tác dụng động viên tinh thần, giúp mọi người có thể cảm nhận sâu sắc được những ý tưởng và tinh thần của buổi nói chuyện.

Sau những lần như vậy, thính giả ở khắp mọi nơi mong muốn được đọc và lưu giữ những câu chuyện thú vị ấy. Một số người đề nghị Jack và Mark tập hợp những câu chuyện thành một quyển sách. Đến năm 1990, họ mới bắt tay vào thực hiện ý tưởng này. Nhưng việc chuyển những câu chuyện kể thành một quyển sách không đơn giản như họ từng nghĩ. Hai người gặp rất nhiều khó khăn, nhất là trong quá trình biên tập các bài viết. Sau 3 năm làm việc miệt mài, cả hai chỉ mới tổng hợp được 68 câu chuyện, còn quá ít so với con số 101 câu chuyện - con số mà họ tin là sẽ tạo nên dấu ấn cho sự thành công của một quyển sách.

Jack và Mark quyết định tìm đến các nhà diễn thuyết khác để thu thập thêm câu chuyện bổ sung vào quyển sách. Cách này giúp cả hai đã

có được nhiều câu chuyện hay và cảm động từ những con người bình thường nhưng có thể vượt lên làm được điều phi thường.

Một lần nữa, Jack và Mark tiếp tục nhờ 40 nhà diễn thuyết chuyên nghiệp khác đọc và thẩm định từng câu chuyện, và cho thang điểm từ 1 đến 10 về tính chân thực, gây xúc động và có giá trị động viên tinh thần. Sau cùng, 101 câu chuyện có điểm cao nhất đã được tuyển chọn.

Thế nhưng quyển sách này vẫn chưa có tên. Cả hai sớm nhận thấy rằng chính tên quyển sách góp phần rất lớn vào sự thu hút bạn đọc. Jack nhớ lại những lần bị ốm, ông thường được ăn xúp gà do mẹ nấu. Mẹ Jack nói loại xúp này có thể giúp phục hồi sức khỏe cho những người đang đau yếu. Một ý tưởng bừng sáng trong Jack. Quyển sách này cũng có tác dụng chữa lành những bệnh, không phải cho cơ thể như xúp gà đơn thuần mà cho tâm hồn con người. Tên sách “Chicken Soup for the Soul” ra đời từ đó và nhanh chóng trở nên nổi tiếng khắp thế giới.

KHÔNG TỪ BỎ ƯỚC MƠ

Để quyển sách đến được với mọi người, việc đầu tiên là phải thuyết phục một Nhà Xuất Bản đồng ý in.

Nhà xuất bản đầu tiên đọc xong và ghi nắn nót trên bản thảo: “*Gửi trả. Không hợp tác! Đề tài quá bình thường*”.

Nhà xuất bản thứ hai trả lời “*Không có ý tưởng gì lạ cả, những chuyện này ai mà chẳng biết, ai mà chẳng trải qua những chuyện tương tự như vậy*”.

Nhà xuất bản thứ ba nhận xét: “*Sức bán hạn chế -sách này chỉ dành cho những người thần kinh có vấn đề*.”

Nhà xuất bản thứ ba mươi cũng vậy. Kết quả tệ hại này nằm ngoài dự kiến và sức tưởng tượng của hai người. Jack và Mark đã phải chịu đựng đến 33 lần từ chối trong 3 năm đi khắp nơi gửi bản thảo chứ không phải chỉ trong vài ba tháng như dự kiến. Có những lúc tưởng chừng như đã bỏ cuộc nhưng họ vẫn cố gắng vượt qua và quyết tâm kiên trì đến cùng.

Năm 1992, Jack và Mark tham dự Hội thảo Nghiệp đoàn Bán sách Hoa Kỳ (American Booksellers' Association Convention). Tại đây, hai người đi từ gian hàng này đến gian hàng khác, trò chuyện với các biên tập viên, và chia sẻ quan điểm của họ về những giá trị tinh thần sâu sắc mà quyển sách này sẽ mang lại. Hai người nhấn mạnh rằng những câu chuyện trong quyển sách sẽ giúp mọi người rộng mở trái tim, nhận thức được những giá trị tinh thần và duy trì lòng can đảm để theo đuổi ước mơ, khát vọng của mình. Sau đó, bản thảo đã được gửi đến Peter Vegso, Chủ tịch Tập đoàn Xuất bản Health Communications. May mắn thay

Peter Vegso sớm nhận ra giá trị tiềm ẩn của quyển sách và đồng ý xuất bản ngay.

Trải qua chặng đường gian nan, đến ngày 28/6/1993, quyển “*Chicken Soup for the Soul*” đầu tiên đã ra đời và trở thành món quà mừng Giáng sinh và năm mới được yêu thích nhất lúc bấy giờ. Những ai mua một quyển sách đều quay lại mua thêm nhiều quyển nữa để làm quà tặng người thân và bạn bè. Khắp nơi ai cũng nói về quyển sách của “một loại xúp kỳ diệu cho tâm hồn”. Mọi người kể lại cho nhau nghe những câu chuyện trong sách mỗi khi ai đó có vấn đề tương tự. Quyển sách đã thật sự tạo nên một cơn sốt và hiện tượng trong ngành xuất bản.

CHINH PHỤC THẾ GIỚI

Đến tháng 9 năm 1994, “*Chicken Soup for the Soul*” đã nằm trong danh sách sách bán chạy nhất theo bình chọn của thời báo *New York Times*, *The Washington Post*, *Publishers Weekly*, *USA Today* và thêm 5 tờ báo có uy tín của Canada.

Đầu năm 1995, “*Chicken Soup for the Soul*” đạt giải thưởng ABBY (*American Bestseller's Book of the Year*) - một giải thưởng có danh tiếng, được bình chọn bởi khách hàng của các hệ thống phát hành sách toàn nước Mỹ.

Cuối năm 1995, “*Chicken Soup for the Soul*” tiếp tục nhận giải thưởng “*Quyển sách trong năm - Book of the Year*” do tạp chí *Body, Mind & Soul* bình chọn.

Năm 1996, bộ sách “*Chicken Soup for the Soul*” đã được American Family Institute trao giải thưởng “*Non-Fiction Literacy Award*”. Riêng quyển “*Condensed Chicken Soup for the Soul*” và “*A Cup of Chicken Soup for the Soul*” được trao giải “*Story Teller World Award*” cho bộ tuyển chọn những câu chuyện hay nhất được độc giả bình chọn.

Trong hai năm 1997 và 1998, Jack Canfield và Mark Victor Hansen đã liên tục giữ vị trí “*Tác Giả Có Sách Bán Chạy Nhất Trong Năm - The Best-Selling Authors of the Year*”.

Và vào ngày 24/5/1998, Jack và Mark đã được ghi tên vào bộ sách kỷ lục thế giới Guinness là tác giả được yêu thích nhất có cùng lúc 7 tựa sách trong bộ “*Chicken Soup for the Soul*” được thời báo *New York Times* bình chọn là những sách bán chạy nhất.

Ngày nay, bất cứ ai cũng biết đến cái tên “*Chicken Soup for the Soul*”. Mọi người chuyển tay nhau, gửi e-mail, kể cho nhau và bình luận những câu chuyện trích từ bộ sách này. Và “*Chicken Soup for the Soul*” đã trở thành một thương hiệu lớn có giá trị không chỉ về mặt thương

mại mà còn ở tính nhân văn cao đẹp. Ở Mỹ, người ta gọi nó là “**A Billion Dollar Brand**” (Thương hiệu trị giá hàng tỉ đô la). Thông qua những câu chuyện trong bộ sách này, bạn có thể tìm lại chính mình, có thêm niềm tin, nghị lực để thực hiện những ước mơ, khát vọng, biết chia sẻ và đồng cảm với nỗi đau của những người xung quanh, tìm lại được những giá trị đích thực của cuộc sống. Đó chính là điều giúp bộ sách “*Chicken Soup for the Soul*” tồn tại mãi với thời gian và trong lòng mọi người.

“CHICKEN SOUP FOR THE SOUL”

**CÁI TÊN THÂN QUEN VỚI TẤT CẢ MỌI NGƯỜI
- MỘT THƯƠNG HIỆU TRỊ GIÁ HÀNG TỈ ĐÔ LA**

Số lượng sách đã bán:

85 triệu bản

Được dịch sang:

37 ngôn ngữ

(Việt Nam là ngôn ngữ thứ 38)

Số tiền ủng hộ từ thiện:

hơn 8.5 tỉ đô la

Số tựa sách bán chạy nhất theo bình chọn

của New York Times:

11 tựa sách

Thời gian liên tục giữ vị trí sách bán chạy nhất theo

thống kê của New York Times:

10 năm

Số tựa sách dịch sang tiếng Tây Ban Nha

trên thị trường Bắc Mỹ:

16 tựa sách

Sách dành cho thanh thiếu niên:

12 tựa sách

Số lượng độc giả được truyền cảm hứng từ bộ sách:

KHÔNG THỂ ĐẾM ĐƯỢC